

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 418 /SGTVT-QLGT

Thanh Hoá, ngày 31 tháng 01 năm 2023

V/v tham gia ý kiến Dự thảo Quyết
định thay thế Quyết định số 954-1/QĐ-
CĐTNĐ ngày 01/9/2020 (lần 4)

Kính gửi:

- Các phòng: Quản lý giao thông, Thẩm định KHKT, Kế hoạch tài chính.
- Ban Quản lý bảo trì CTGT và ĐHHĐ vận tải HKCC;
- Công ty Cổ phần QL ĐTNĐ và XDGT Thanh Hoá;
- Công ty Cổ phần Giao thông Thạch Thành.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam tại Công văn số 84/CĐTNĐ-QLKCHT ngày 16/01/2023 về việc xin ý kiến dự thảo Quyết định thay thế Quyết định số 954-1/QĐ-CĐTNĐ ngày 01/9/2020 (lần 4) quy định tạm thời về quản lý chất lượng trong công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên, điều tiết không chế bảo đảm an toàn giao thông, chống va trôi đường thủy nội địa theo chất lượng thực hiện (*được gửi kèm theo*). Để có cơ sở tổng hợp, báo cáo, Giám đốc Sở yêu cầu các phòng, ban, đơn vị thực hiện các nội dung sau đây:

1. Yêu cầu các phòng Thẩm định KHKT, Kế hoạch tài chính Sở, Ban Quản lý bảo trì CTGT và ĐHHĐ vận tải HKCC, các đơn vị quản lý đường thủy nội địa theo chức năng, nhiệm vụ được giao nghiên cứu nội dung Dự thảo có văn bản tham gia ý kiến gửi về Phòng Quản lý giao thông **trước ngày 03/02/2023** (file mềm gửi qua địa chỉ email: trinhquoctuan.sgtvt@gmail.com).

2. Giao Phòng Quản lý giao thông trên cơ sở tham gia ý kiến của các phòng, ban, đơn vị tham mưu Lãnh đạo Sở văn bản báo cáo Cục Đường bộ Việt Nam trước ngày 07/02/2023.

Yêu cầu các phòng, ban, đơn vị khẩn trương triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Lưu: VT, QLGT_(Tn).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Văn Tuấn

BẢNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH THAY THẾ QUYẾT ĐỊNH SỐ 954-1/QĐ-CĐTNĐ NGÀY 01/9/2020 VÀ QUYẾT ĐỊNH SỐ 37/QĐ-CĐTNĐ NGÀY 29/01/2021 BAN HÀNH QUY TRÌNH QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

QUYẾT ĐỊNH SỐ 954-1/QĐ-CĐTNĐ NGÀY 01/9/2020 VÀ QUYẾT ĐỊNH SỐ 37/QĐ-CĐTNĐ NGÀY 29/01/2021	DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH THAY THẾ
QUYẾT ĐỊNH Ban hành quy định tạm thời về quản lý chất lượng trong công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên, điều tiết không chế đảm bảo an toàn giao thông và chống va trôi trên đường thủy nội địa quốc gia theo khối lượng thực tế	QUYẾT ĐỊNH Ban hành quy định tạm thời về quản lý chất lượng trong công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công trình đường thủy nội địa theo chất lượng thực hiện
<i>Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17/6/2014; Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;</i> <i>Căn cứ Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ về quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa;</i> <i>Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;</i> <i>Căn cứ Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về quản lý đường thủy nội địa;</i> <i>Căn cứ Thông tư số 01/2019/TT-BGTVT ngày 11/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý và bảo trì công trình đường thủy nội địa;</i> <i>Căn cứ Thông tư 40/2010/TT-BGTVT ngày 31/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác điều tiết không chế đảm</i>	<i>Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17/6/2014; Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;</i> <i>Căn cứ Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ về quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa;</i> <i>Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;</i> <i>Căn cứ Thông tư số 08/2019/TT-BGTVT ngày 28/02/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa theo chất lượng thực hiện;</i> <i>Căn cứ Thông tư số 42/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác điều tiết không chế bảo đảm an toàn giao thông, chống va trôi và hạn chế giao thông đường thủy nội địa;</i> <i>Căn cứ Thông tư số 21/2022/TT-BGTVT ngày 22/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, bảo trì công trình thuộc kết cấu hạ tầng</i>

<i>bảo giao thông và chống va trôi trên đường thủy nội địa; Thông tư số 30/2017/TT-BGTVT ngày 07/9/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2010/TT-BGTVT ngày 31/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác điều tiết không chế đảm bảo giao thông và chống va trôi trên đường thủy nội địa;</i> <i>Căn cứ Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 11392:2017 - Bảo dưỡng đường thủy nội địa;</i> <i>Căn cứ Quyết định số 39/QĐ-BGTVT ngày 08/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;</i> <i>Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý kết cấu hạ tầng.</i>	<i>đường thủy nội địa;</i> <i>Căn cứ Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN:11392:2017 bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa.</i> <i>Căn cứ Quyết định số 39/QĐ-BGTVT ngày 08/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;</i> <i>Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý kết cấu hạ tầng.</i>
QUYẾT ĐỊNH: Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này là quy định tạm thời về quản lý chất lượng trong công tác bảo dưỡng thường xuyên, điều tiết không chế đảm bảo an toàn giao thông và chống va trôi trên đường thủy nội địa quốc gia theo khối lượng thực tế (có quy định chi tiết kèm theo). Đối với các công việc quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa có ứng dụng khoa học công nghệ, công tác quản lý chất lượng ngoài tuân thủ theo quy định tại quyết định này, còn phải tuân theo quy định của nhà sản xuất, nhà cung ứng hoặc các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn hiện hành.	QUYẾT ĐỊNH: Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này là quy định tạm thời về quản lý chất lượng công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên, điều tiết không chế bảo đảm an toàn giao thông, chống va trôi đường thủy nội địa theo chất lượng thực hiện (có quy định chi tiết kèm theo). Đối với các công việc quản lý, bảo dưỡng thường xuyên, điều tiết không chế bảo đảm an toàn giao thông, chống va trôi đường thủy nội địa có ứng dụng khoa học công nghệ, công tác quản lý chất lượng ngoài tuân thủ theo quy định tại quyết định này, còn phải tuân theo quy định của nhà sản xuất, nhà cung ứng hoặc các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn hiện hành.
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành, bãi bỏ Quyết định số 1392/QĐ-CĐTNĐ ngày 06/11/2017 và Quyết định số 1252/QĐ-CĐTNĐ ngày 27/10/2016 của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.	Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành, bãi bỏ Quyết định số 954-1/QĐ-CĐTNĐ ngày 01/9/2020 và Quyết định số 37/QĐ-CĐTNĐ ngày 29/01/2021 của Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam quy định tạm thời về quản lý chất lượng công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa quốc gia. Trường hợp các văn bản viện dẫn, các mẫu quy định tại Quyết định này có sửa

	đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các quy định tại các văn bản được sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.
Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng các phòng có liên quan thuộc Cục, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Cục, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.	Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng các phòng có liên quan thuộc Cục, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Cục, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.
QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ, BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN, ĐIỀU TIẾT KHÔNG CHẾ ĐẢM BẢO GIAO THÔNG VÀ CHỐNG VA TRÔI TRÊN ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA QUỐC GIA THEO KHỐI LƯỢNG THỰC TẾ <i>(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-CDTND ngày / /2020 của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam)</i>	QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ, BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN, ĐIỀU TIẾT KHÔNG CHẾ ĐẢM BẢO AN TOÀN GIAO THÔNG, CHỐNG VA TRÔI ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA THEO CHẤT LƯỢNG THỰC HIỆN <i>(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-CDTND ngày / /2023 của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam)</i>
Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG Điều 1. Phạm vi điều chỉnh 1. Quy định này quy định trình tự thực hiện quản lý chất lượng công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên, điều tiết không chế đảm bảo giao thông và chống va trôi trên đường thủy nội địa quốc gia sử dụng nguồn vốn ngân sách Trung ương. 2. Các công trình sửa chữa (sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất) có tính chất đầu tư xây dựng: nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa quốc gia; thanh thải vật chướng ngại; khảo sát thông báo luồng; sửa chữa, sản xuất thay thế, bổ sung báo hiệu; sửa chữa kè, công trình chính trị dòng chảy, vật kiến trúc, nhà trạm quản lý ... thực hiện quản lý chất lượng theo quy định về quản lý chất lượng công trình của Luật Xây dựng, Nghị định 46/2015/NĐ-CP12/5/2015 của Chính phủ, Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 20/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015; Thông tư số 04/2019/TT-BXD ngày 16/8/2019 của Bộ Xây	Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Quy định này quy định trình tự thực hiện quản lý chất lượng công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên, điều tiết không chế bảo đảm an toàn giao thông, chống va trôi đường thủy nội địa theo chất lượng thực hiện trên đường thủy nội địa quốc gia sử dụng nguồn vốn ngân sách Trung ương.

dựng về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng hoặc các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có) và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.	
Điều 2. Đối tượng áp dụng Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên, điều tiết không chế đảm bảo giao thông và chống va trôi trên đường thủy nội địa quốc gia sử dụng nguồn vốn ngân sách Trung ương.	Điều 2. Đối tượng áp dụng Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên, điều tiết không chế bảo đảm an toàn giao thông, chống va trôi đường thủy nội địa theo chất lượng thực hiện trên đường thủy nội địa quốc gia sử dụng nguồn vốn ngân sách Trung ương.
Điều 3. Nguyên tắc quản lý chất lượng 1. Nguyên tắc chung a) Phải được kiểm soát chất lượng thường xuyên, liên tục từ khi chuẩn bị, thực hiện và hoàn thành công việc bảo dưỡng thường xuyên nhằm đảm bảo an toàn cho người, tài sản, thiết bị, công trình được bảo dưỡng và các công trình lân cận; b) Được đánh giá, nghiệm thu dựa trên cơ sở kết quả kiểm tra việc thực hiện theo phương án kỹ thuật, dự toán, hồ sơ đặt hàng, hồ sơ chỉ định thầu, hồ sơ mời thầu, hồ sơ trúng thầu được cấp có thẩm quyền phê duyệt và hợp đồng kinh tế giữa các bên; c) Đối với công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên tuyến đường thủy nội địa quốc gia, công tác điều tiết không chế đảm bảo giao thông và công tác chống va trôi cả năm (365 ngày) phải được kiểm soát thường xuyên liên tục từ đầu năm (ngày 01 tháng 01) cho đến khi kết thúc công trình (hết ngày 31 tháng 12); d) Đối với công tác điều tiết không chế đảm bảo giao thông, chống va trôi trên đường thủy nội địa quốc gia không thuộc điểm c khoản 1 Điều này phải được kiểm soát thường xuyên liên tục từ khi chuẩn bị, triển khai nhân	Điều 3. Nguyên tắc quản lý chất lượng 1. Nguyên tắc chung a) Kiểm soát chất lượng thực hiện các công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên, điều tiết không chế bảo đảm an toàn giao thông, chống va trôi đường thủy nội địa nhằm bảo đảm sử dụng hiệu quả, lâu dài tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa; b) Đánh giá, nghiệm thu chất lượng kết quả thực hiện của nhà thầu; 2. Quản lý chất lượng của nhà thầu (đơn vị) thực hiện a) Nhà thầu thực hiện quản lý, bảo dưỡng thường xuyên, điều tiết không chế bảo đảm an toàn giao thông, chống va trôi đường thủy nội địa có trách nhiệm tiếp nhận, quản lý, bảo dưỡng thường xuyên tuyến đường thủy nội địa và các tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa quốc gia theo hợp đồng đã ký kết; b) Lập hệ thống quản lý chất lượng bảo đảm chất lượng công trình của nhà thầu; c) Trong thời hạn 05 ngày sau khi ký kết hợp đồng, xây dựng kế hoạch thực

sự, phương tiện, thiết bị, báo hiệu đến khi kết thúc công trình.

2. Quản lý chất lượng của nhà thầu (đơn vị) thực hiện

a) Nhà thầu thực hiện quản lý, bảo dưỡng thường xuyên có trách nhiệm tiếp nhận và quản lý tuyến đường thủy nội địa; thực hiện bảo quản, quản lý, bảo dưỡng thường xuyên báo hiệu đường thủy nội địa và các công trình kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa quốc gia theo hợp đồng đã ký kết;

b) Nhà thầu thực hiện điều tiết không chế đảm bảo giao thông, chống va trôi có trách nhiệm tiếp nhận khu vực thực hiện, tham gia bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nằm trong khu vực thực hiện;

c) Lập hệ thống quản lý chất lượng, mục tiêu và chính sách đảm bảo chất lượng của nhà thầu. Hệ thống quản lý chất lượng công trình phải nêu rõ sơ đồ tổ chức và trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân đối với công tác quản lý chất lượng. Hồ sơ quản lý chất lượng gửi về Chi cục Đường thủy nội địa khu vực được giao nhiệm vụ hoặc đơn vị được ủy quyền quản lý chất lượng (gọi tắt là **Đại diện Chủ đầu tư**) để kiểm tra, giám sát;

d) Trong thời hạn **05 ngày** sau khi ký kết hợp đồng, lập và gửi kế hoạch thực hiện quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa, quy chế điều tiết không chế đảm bảo giao thông, chống va trôi về Chủ đầu tư và Đại diện Chủ đầu tư làm cơ sở giám sát, theo dõi thực hiện;

đ) Lập sổ nhật ký theo quy định và đóng dấu giáp lai các trang sổ;

e) Yêu cầu Đại diện Chủ đầu tư, Chủ đầu tư bàn giao mặt bằng, nghiệm thu triển khai phương tiện, thiết bị, nhân lực, nghiệm thu giai đoạn (tháng, quý) và nghiệm thu hoàn thành công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên, công tác điều tiết không chế đảm bảo giao thông và chống va trôi trên đường thủy nội địa;

hiện quản lý, bảo dưỡng thường xuyên, điều tiết không chế bảo đảm an toàn giao thông, chống va trôi đường thủy nội địa để thực hiện;

d) Lập sổ nghiệp vụ theo quy định;

đ) Yêu cầu Đại diện Chủ đầu tư, Chủ đầu tư bàn giao mặt bằng, nghiệm thu triển khai phương tiện, thiết bị, nhân lực chủ chốt, nghiệm thu giai đoạn (tháng, quý) và nghiệm thu hoàn thành công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên, điều tiết không chế bảo đảm an toàn giao thông, chống va trôi đường thủy nội địa;

e) Báo cáo Đại diện Chủ đầu tư kết quả chất lượng thực hiện (theo tháng, quý, hoàn thành) và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Đại diện Chủ đầu tư hoặc quá trình kiểm tra đột xuất. Thời gian báo cáo tháng vào ngày cuối tháng; báo cáo quý vào ngày cuối quý; báo cáo năm vào ngày 31 tháng 12 của năm;

Đối với báo cáo quý gồm có nội dung báo cáo của tháng cuối quý. Với báo cáo quý cuối năm gồm có nội dung báo cáo tháng cuối năm và báo cáo kết quả thực hiện cả năm.

h) Lập hồ sơ hoàn công theo quy định;

i) Lập phương án báo hiệu; phương án kỹ thuật: sơ đồ bố trí báo hiệu (bao gồm cập nhật báo hiệu bố trí mới) và thuyết minh phương án kỹ thuật công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên, điều tiết không chế bảo đảm an toàn giao thông, chống va trôi đường thủy nội địa gửi về Đại diện Chủ đầu tư làm cơ sở lập kế hoạch năm tiếp theo;

k) Các nội dung khác (nếu có).

3. Quản lý chất lượng của Chủ đầu tư, Đại diện chủ đầu tư.

a) Kiểm tra chất lượng thực hiện công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên, điều tiết không chế bảo đảm an toàn giao thông, chống va trôi đường thủy nội địa của

g) Báo cáo Đại diện Chủ đầu tư kết quả thực hiện kế hoạch về tiến độ, chất lượng, khối lượng, an toàn lao động và vệ sinh môi trường (theo tuần, tháng, quý, hoàn thành) và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Đại diện Chủ đầu tư để tổng hợp, theo dõi. **Thời gian báo cáo tuần vào ngày thứ 6 hàng tuần; báo cáo tháng vào ngày 28 hàng tháng; báo cáo quý vào ngày 28 của tháng cuối quý; báo cáo năm vào ngày 31 tháng 12 của năm;**

Đối với báo cáo quý gồm có nội dung báo cáo của tháng cuối quý. Với báo cáo quý cuối năm gồm có nội dung báo cáo tháng cuối năm, quý và báo cáo kết quả thực hiện cả năm.

h) Lập hồ sơ hoàn công theo quy định;

i) Lập phương án báo hiệu: sơ đồ bố trí báo hiệu và thuyết minh phương án kỹ thuật công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên, điều tiết khống chế đảm bảo giao thông, chống va trôi gửi về Đại diện Chủ đầu tư làm cơ sở lập kế hoạch năm tiếp theo;

k) Các nội dung khác (nếu có).

3. Quản lý chất lượng của Chủ đầu tư

a) Thông báo về nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức, cá nhân trong hệ thống quản lý chất lượng cho nhà thầu biết để phối hợp thực hiện;

b) Kiểm tra sự phù hợp năng lực của nhà thầu so với hồ sơ dự thầu, kế hoạch thực hiện và hợp đồng đã ký, bao gồm: phương tiện, thiết bị, nhân lực, hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu;

c) Kiểm tra phương án thực hiện công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên, điều tiết khống chế đảm bảo giao thông và chống va trôi của nhà thầu

nhà thầu;

b) Tổ chức kiểm tra định kỳ (tháng, quý), đột xuất việc thực hiện công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên, điều tiết khống chế bảo đảm an toàn giao thông, chống va trôi đường thủy nội địa theo quy định;

c) Đình chỉ nhà thầu khi xét thấy nhà thầu thực hiện không bảo đảm an toàn giao thông;

đ) Chủ trì, phối hợp với các bên liên quan giải quyết những vướng mắc, phát sinh và xử lý, khắc phục sự cố theo quy định;

d) Tổ chức kiểm tra, bàn giao mặt bằng, nghiệm thu triển khai phương tiện, thiết bị, nhân lực chủ chốt, nghiệm thu giai đoạn (tháng, quý) và nghiệm thu hoàn thành công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên, điều tiết khống chế bảo đảm an toàn giao thông, chống va trôi đường thủy nội địa thực hiện trong năm;

e) Các nội dung khác (nếu có).

so với phương án đã được phê duyệt;

d) Kiểm tra và chấp thuận vật liệu (nếu có), phương tiện, thiết bị, nhân lực thực hiện quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa, điều tiết không chế đảm bảo giao thông, chống va trôi;

đ) Kiểm tra hiện trường công việc đã thực hiện theo kế hoạch của nhà thầu;

e) Kiểm tra định kỳ, đột xuất việc thực hiện quản lý chất lượng công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa, điều tiết không chế đảm bảo giao thông, chống va trôi;

g) Kiểm tra việc thực hiện các quy định về biện pháp đảm bảo an toàn đối với công trình lân cận, việc đảm bảo an toàn lao động theo quy định;

h) Đình chỉ nhà thầu khi xét thấy chất lượng công việc không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, không đảm bảo an toàn;

i) Chủ trì, phối hợp với các bên liên quan giải quyết những vướng mắc, phát sinh và xử lý, khắc phục sự cố theo quy định;

k) Tổ chức kiểm tra, bàn giao mặt bằng, nghiệm thu triển khai phương tiện, thiết bị, nhân lực, nghiệm thu giai đoạn (tháng, quý) và nghiệm thu hoàn thành công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa, điều tiết không chế đảm bảo an toàn giao thông, chống va trôi (thực hiện đủ 365 ngày). Trường hợp công tác điều tiết kéo dài phải chia thành các giai đoạn 03 tháng/lần thì nghiệm thu giai đoạn. Đối với công tác chống va trôi (không thực hiện đủ 365 ngày) không thực hiện nghiệm thu giai đoạn (nghiệm thu quý).

l) Các nội dung khác (nếu có).

Điều 4. Trách nhiệm và thẩm quyền của Chủ đầu tư, Đại diện Chủ đầu tư 1. Cục Đường thủy nội địa Việt Nam là cơ quan thực hiện phê duyệt phương án báo hiệu; sơ đồ bố trí báo hiệu, thuyết minh phương án kỹ thuật và dự toán; tổ chức thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; tổ chức kiểm tra việc thực hiện quản lý chất lượng công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên, điều tiết không chế đảm bảo giao thông và chống va trôi trên đường thủy nội địa quốc gia. 2. Chủ đầu tư (Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Sở GTVT các địa phương được ủy quyền quản lý tuyến đường thủy nội địa quốc gia) - Thực hiện quản lý chất lượng, tổ chức nghiệm thu khối lượng thực tế theo quy định tại Quyết định này và các quy định pháp luật hiện hành; - Cục Đường thủy nội địa Việt Nam là Chủ đầu tư + Ủy quyền Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng chủ trì bàn giao mặt bằng, nghiệm thu triển khai phương tiện, thiết bị, nhân lực, nghiệm thu giai đoạn (nghiệm thu quý), nghiệm thu hoàn thành công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa, điều tiết không chế đảm bảo giao thông và nghiệm thu các công trình sửa chữa có tính chất đầu tư xây dựng; + Ủy quyền Phòng Vận tải - An toàn giao thông chủ trì bàn giao mặt bằng; nghiệm thu triển khai phương tiện, thiết bị, nhân lực; nghiệm thu tháng và nghiệm thu hoàn thành công tác chống va trôi trên đường thủy nội địa và nghiệm thu các công trình sửa chữa đột xuất khắc phục thiên tai, công trình an toàn giao thông;	Điều 4. Trách nhiệm và thẩm quyền của Chủ đầu tư, Đại diện Chủ đầu tư 1. Cục Đường thủy nội địa Việt Nam là cơ quan thực hiện phê duyệt phương án báo hiệu; phương án kỹ thuật: sơ đồ bố trí báo hiệu, thuyết minh phương án kỹ thuật và dự toán; tổ chức lựa chọn nhà thầu; tổ chức kiểm tra việc thực hiện quản lý chất lượng công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên, điều tiết không chế bảo đảm an toàn giao thông, chống va trôi đường thủy nội địa trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia. 2. Chủ đầu tư (Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Sở GTVT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được ủy quyền quản lý tuyến đường thủy nội địa quốc gia) a. Tổ chức, hướng dẫn thực hiện quản lý chất lượng, nghiệm thu theo quy định Thông tư số 08/2019/TT-BGTVT ngày 28/02/2019, nội dung tại Quyết định này và Thông tư số 42/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ GTVT Quy định về công tác điều tiết không chế bảo đảm an toàn giao thông, chống va trôi và hạn chế giao thông đường thủy nội địa. b. Tổ chức bàn giao mặt bằng; phối hợp nghiệm thu giai đoạn (nghiệm thu quý); chủ trì nghiệm thu hoàn thành công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên, điều tiết không chế bảo đảm an toàn giao thông, chống va trôi đường thủy nội địa. 3. Đại diện Chủ đầu tư (các Chi cục Đường thủy nội địa khu vực, Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực, đơn vị được giao quản lý chất lượng) a) Cung cấp thông tin về nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức, cá nhân trong hệ thống quản lý chất lượng cho nhà thầu biết để phối hợp thực hiện; b) Tổ chức lập phương án báo hiệu; phương án kỹ thuật: sơ đồ bố trí báo hiệu, thuyết minh phương án kỹ thuật, dự toán công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên, điều tiết không chế bảo đảm an toàn giao thông, chống va trôi trình Cục Đường thủy
--	---

+ Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Trị, Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Nam tham gia công tác bàn giao mặt bằng; nghiệm thu triển khai phương tiện, thiết bị, nhân lực; nghiệm thu giai đoạn (nghiệm thu tháng); nghiệm thu giai đoạn (nghiệm thu quý), nghiệm thu hoàn thành công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa và bàn giao mặt bằng, tiếp nhận các công trình sửa chữa có tính chất đầu tư xây dựng đối với các tuyến được ủy quyền quản lý.

3. Đại diện Chủ đầu tư (các Chi cục Đường thủy nội địa, đơn vị được giao quản lý chất lượng)

a) Tổ chức lập phương án báo hiệu: sơ đồ bố trí báo hiệu, thuyết minh phương án kỹ thuật, dự toán công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên; phương án, dự toán điều tiết không chế đảm bảo giao thông và chống va trôi trình Cục Đường thủy nội địa Việt Nam phê duyệt để làm cơ sở xây dựng kế hoạch thực hiện hàng năm;

b) Kiểm tra kế hoạch quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa, điều tiết không chế đảm bảo giao thông, chống va trôi và yêu cầu nhà thầu điều chỉnh, bổ sung các nội dung trong quá trình triển khai thực hiện cho phù hợp với thực tế và quy định của hợp đồng (trường hợp là Chủ đầu tư thì chủ trì thực hiện nội dung này);

c) Thực hiện trách nhiệm của đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa;

d) Kiểm tra hồ sơ hoàn thành, dữ liệu, hình ảnh lưu trữ, chất lượng, khối lượng thực tế thực hiện công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên trong tháng;

đ) Kiểm tra, nghiệm thu phương tiện, thiết bị, nhân lực, vật liệu và bàn giao mặt bằng thực tế hiện trường hai bên A - B; chủ trì nghiệm thu giai

nội địa Việt Nam phê duyệt;

c) Thực hiện trách nhiệm của đơn vị trực tiếp quản lý, khai kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa;

d) Kiểm tra hồ sơ hoàn thành, chất lượng kết quả thực hiện công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên, điều tiết không chế bảo đảm an toàn giao thông, chống va trôi của nhà thầu trong tháng, quý;

đ) Kiểm tra, nghiệm thu phương tiện, thiết bị, nhân lực chủ chốt và chấp thuận thay đổi, bổ sung phương tiện, thiết bị, nhân lực chủ chốt khi nhà thầu đề xuất theo quy định; bàn giao mặt bằng thực tế hiện trường; chủ trì nghiệm thu giai đoạn thực hiện hàng tháng (nghiệm thu tháng) và hàng quý (nghiệm thu quý); tham gia nghiệm thu hoàn thành công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên, điều tiết không chế bảo đảm an toàn giao thông, chống va trôi đường thủy nội địa. Trường hợp được giao là Chủ đầu tư thì chủ trì công tác quản lý, chất lượng và nghiệm thu hoàn thành;

e) Báo cáo Chủ đầu tư kết quả chất lượng thực hiện trong tháng, quý và yêu cầu đột xuất của Chủ đầu tư. Thời gian báo cáo trước ngày 05 của tháng, quý kế tiếp;

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác được Cục Đường thủy nội địa Việt Nam giao hoặc ủy quyền.

h) Chịu trách nhiệm trước Cục trưởng và pháp luật về kết quả thực hiện nhiệm vụ.

k) Các nội dung khác (nếu có).

đoạn hai bên A - B về chất lượng, khối lượng thực tế thực hiện hàng tháng (nghiệm thu tháng); tham gia nghiệm thu giai đoạn hai bên A - B (nghiệm thu quý) và nghiệm thu hoàn thành hai bên A - B công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên, điều tiết tiết không chế đảm bảo giao thông, chống va trôi trên đường thủy nội địa (trường hợp là Chủ đầu tư thì Chủ trì thực hiện nội dung này).

e) Báo cáo Chủ đầu tư kết quả thực hiện kế hoạch trong tháng về tiến độ, chất lượng, khối lượng, an toàn lao động, vệ sinh môi trường và yêu cầu đột xuất của Chủ đầu tư. **Thời gian báo cáo trước ngày 05 hàng tháng của tháng kế tiếp sau đó;**

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác được Cục Đường thủy nội địa Việt Nam giao hoặc ủy quyền.

h) Chịu trách nhiệm trước Cục trưởng và pháp luật về kết quả thực hiện nhiệm vụ.

i) Các nội dung khác (nếu có).

4. Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Trị, Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Nam thực hiện

a) Thực hiện trách nhiệm của đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trên các tuyến được ủy quyền quản lý;

b) Tổ chức lập phương án báo hiệu: sơ đồ bố trí báo hiệu, thuyết minh phương án kỹ thuật, dự toán công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên; phương án, dự toán điều tiết không chế đảm bảo giao thông và chống va trôi trình Cục Đường thủy nội địa Việt Nam phê duyệt để làm cơ sở xây dựng kế hoạch thực hiện hàng năm;

c) Kiểm tra kế hoạch quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường thủy

nội địa và yêu cầu nhà thầu điều chỉnh, bổ sung các nội dung trong quá trình triển khai thực hiện cho phù hợp với thực tế.	
Chương II QUY ĐỊNH THIẾT BỊ GIÁM SÁT TRÊN PHƯƠNG TIỆN THỦY THỰC HIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN, CÔNG TÁC ĐIỀU TIẾT KHÔNG CHẾ ĐẢM BẢO GIAO THÔNG VÀ CHỐNG VA TRÔI	- THEO PHỤ LỤC 1 THÔNG TƯ SỐ 08/2019/TT-BGTVT NGÀY 28/02/2019 CHỈ YÊU CẦU GHI HÌNH ẢNH QUÁ TRÌNH KIỂM TRA TUYẾN VỀ NHỮNG THAY ĐỔI, XUẤT HIỆN MỚI (VỊ TRÍ BÁO HIỆU, VẬT CHƯỚNG NGẠI, BÃI CẠN, TÌNH HÌNH ĐẬU ĐỖ PHƯƠNG TIỆN, CÔNG VIỆC BẢO TRÌ). DO VẬY CHỈ QUY ĐỊNH VÀO NỘI DUNG CHƯƠNG III. - THEO THÔNG TƯ SỐ 42/2021/TT-BGTVT NGÀY 31/12/2021, NỘI DUNG CÔNG TÁC ĐIỀU TIẾT KHÔNG CHẾ ĐẢM BẢO GIAO THÔNG VÀ CHỐNG VA TRÔI ĐÃ ĐƯỢC QUY ĐỊNH
Điều 5. Thiết bị giám sát 1. Đối với phương tiện thủy thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa trang bị 01 camera hành trình và 01 máy chụp ảnh; 2. Đối với trạm thực hiện công tác điều tiết không chế đảm bảo giao thông, chống va trôi trang bị 01 camera IP gắn trên phương tiện thủy thường trực.	
Điều 6. Thông số kỹ thuật tối thiểu thiết bị giám sát 1. Công tác quản lý bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa - Camera hành trình có tích hợp GPS, có thẻ nhớ tối thiểu 32Gb; góc nhìn rộng $\geq 120^0$ (độ); - Máy chụp ảnh có tính năng định vị GPS, đo theo thời gian thực tế GMT+7; thẻ nhớ tối thiểu 8Gb.	

2. Công tác điều tiết không chế đảm bảo giao thông, chống va trôi: camera IP xem trực tiếp được hình ảnh, video qua mạng Internet. 3. Các camera giám sát đạt tiêu chuẩn IP68. Camera và máy chụp ảnh phải hiện thị thời gian, tọa độ trên khung ghi hình.	
Điều 7. Lắp đặt thiết bị giám sát 1. Thiết bị giám sát được lắp cố định trên phương tiện thủy (không tháo lắp, di dời, thay đổi vị trí trong quá trình thực hiện công việc). Vị trí lắp đặt thiết bị đảm bảo góc quay của máy được lớn nhất, ghi hình ảnh đầy đủ, liên tục và rõ nét các nội dung công việc thực hiện kiểm tra tuyến, công tác bảo dưỡng thường xuyên báo hiệu, đèn hiệu, công tác điều tiết không chế đảm bảo giao thông, chống va trôi. 2. Máy chụp ảnh ghi lại hình ảnh 03 thời điểm: trước khi thực hiện, đang thực hiện, kết thúc một công việc trong bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa khi thiết bị camera không ghi lại được hình ảnh trong quá trình thực hiện hoặc khi triển khai ứng dụng giám sát công nghệ trên hệ thống mạng. 3. Khi Chủ đầu tư ứng dụng công nghệ để giám sát công việc thực hiện của nhà thầu thì nhà thầu phải triển khai thực hiện theo yêu cầu của Chủ đầu tư và các quy định hiện hành.	
Điều 8. Dữ liệu và lưu giữ hình ảnh 1. Công tác bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa - Dữ liệu ghi lại bởi thiết bị camera được lưu trữ tại nhà thầu (công ty) sau mỗi đợt hành trình thực hiện công việc; - Dữ liệu camera, hình ảnh phải rõ nét, phân biệt được từng công việc	

thực hiện bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa; - Thời gian lưu trữ dữ liệu tại nhà thầu tối thiểu là 03 tháng để kiểm tra. 2. Công tác điều tiết không chế đảm bảo giao thông, chống va trôi - Xem truyền trực tiếp hình ảnh từ camera hiện trường qua mạng Internet với chất lượng tốt, sắc nét quá trình thực hiện công việc hướng dẫn đảm bảo giao thông, cứu hộ, cứu nạn và kết nối được với hệ thống công điện tử của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (nếu được yêu cầu); - Nhà thầu thực hiện công tác điều tiết không chế đảm bảo giao thông, chống va trôi phải cung cấp tài khoản đăng nhập vào camera IP về Chủ đầu tư, Đại diện Chủ đầu tư khi cần thiết có thể kiểm tra, theo dõi trực tuyến (không yêu cầu lưu trữ dữ liệu). 3. Các dữ liệu được lưu trữ phải đảm bảo không được tẩy xóa, làm mất hoặc thay đổi trong thời gian lưu trữ.	
Chương III QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ, BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYỀN ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA QUỐC GIA Mục 1 CÔNG TÁC LẬP HỒ SƠ PHƯƠNG ÁN BÁO HIỆU, PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT, DỰ TOÁN QUẢN LÝ, BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYỀN ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA QUỐC GIA	Chương II QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ, BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYỀN CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA QUỐC GIA Mục 1 CÔNG TÁC LẬP HỒ SƠ PHƯƠNG ÁN BÁO HIỆU, PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT, DỰ TOÁN QUẢN LÝ, BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYỀN ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA QUỐC GIA
Điều 9. Lập phương án báo hiệu 1. Kiểm tra hiện trạng báo hiệu, tuyến luồng	Điều 5. Lập phương án báo hiệu 1. Kiểm tra hiện trạng báo hiệu, tuyến luồng

a. Thành phần kiểm tra - Đại diện Chủ đầu tư; - Đơn vị (nhà thầu) thực hiện quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa; - Đơn vị (nhà thầu) tư vấn lập dự toán (nếu có); b. Nội dung kiểm tra Đại diện Chủ đầu tư chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xác định, thống nhất làm cơ sở lập hồ sơ phương án báo hiệu: sơ đồ bố trí báo hiệu, thuyết minh phương án kỹ thuật của năm kế hoạch các nội dung: - Hiện trạng luồng đường thủy nội địa, báo hiệu trên tuyến; - Các vị trí báo hiệu cần thay đổi, bổ sung của từng tuyến đường thủy nội địa kèm theo tọa độ vị trí (nếu có); - Sơ họa các vị trí luồng thay đổi so với phương án cũ, các vị trí công trình mới trên tuyến (cầu vượt sông, kè, đường dây, đường ngầm...). - Tọa độ của vị trí điểm đầu tuyến, cuối tuyến; tọa độ tim luồng (nếu có). c. Thời gian thực hiện - Thực hiện kiểm tra báo hiệu, luồng tuyến trong đợt kiểm tra tuyến quý II và quý III năm trước của năm kế hoạch; - Thực hiện lập, trình phương án báo hiệu trước ngày 25/5 năm trước của năm kế hoạch và theo yêu cầu của Chủ đầu tư. 2. Phương án bố trí báo hiệu phải đảm bảo theo nguyên tắc	a) Thành phần kiểm tra - Đại diện Chủ đầu tư; - Đơn vị (nhà thầu) thực hiện quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công trình đường thủy nội địa; - Đơn vị (nhà thầu) tư vấn lập phương án, dự toán (nếu có); b) Nội dung kiểm tra Đại diện Chủ đầu tư chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan lập hồ sơ phương án báo hiệu: sơ đồ bố trí báo hiệu, thuyết minh phương án kỹ thuật của năm kế hoạch các nội dung: - Hiện trạng luồng đường thủy nội địa, báo hiệu trên tuyến; - Các vị trí báo hiệu cần thay đổi, bổ sung của từng tuyến đường thủy nội địa kèm theo tọa độ vị trí (nếu có); - Sơ họa các vị trí luồng thay đổi so với phương án cũ, các vị trí công trình mới trên tuyến (cầu vượt sông, kè, đường dây, đường ngầm...). - Tọa độ của vị trí điểm đầu tuyến, cuối tuyến; tọa độ tim luồng (nếu có). c) Thời gian thực hiện - Thực hiện kiểm tra báo hiệu, luồng tuyến trong đợt kiểm tra tuyến quý II, quý III năm trước của năm kế hoạch; - Thực hiện lập, trình phương án báo hiệu trước ngày 25/5 năm trước của năm kế hoạch và theo yêu cầu của Chủ đầu tư. 2. Phương án bố trí báo hiệu phải đảm bảo theo nguyên tắc g) Bố trí báo hiệu bảo đảm được các tình huống trên tuyến luồng;
--	--

- Bố trí đủ báo hiệu theo các tình huống trên tuyến luồng; - Bố trí báo hiệu theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam; - Bố trí báo hiệu này nhìn thấy báo hiệu kia; - Bố trí báo hiệu theo mức độ quan trọng của tình huống, diễn biến luồng; - Bố trí theo mức độ ưu tiên luồng tuyến vận tải có mật độ vận tải lớn, liên vùng, liên tỉnh, nối các cảng bến chính theo quy hoạch; - Bố trí báo hiệu phù hợp với loại đường thủy nội địa quản lý.	h) Bố trí báo hiệu theo tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam; i) Bố trí báo hiệu bảo đảm khoảng cách từ báo hiệu này nhìn thấy báo hiệu kia; j) Bố trí báo hiệu theo mức độ quan trọng của tình huống, diễn biến luồng; đ) Bố trí theo mức độ ưu tiên luồng tuyến vận tải có mật độ vận tải lớn, liên vùng, liên tỉnh, nối các cảng, bến chính theo quy hoạch; k) Bố trí báo hiệu phù hợp với loại đường thủy nội địa quản lý; l) Trường hợp phương án báo hiệu hiện hữu không đủ tình huống, vị trí báo hiệu có phương án đề xuất bổ sung.
Điều 10. Hồ sơ phương án báo hiệu, dự toán quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa - Sơ đồ bố trí báo hiệu; - Thuyết minh phương án bố trí báo hiệu, thuyết minh phương án kỹ thuật; kế hoạch thực hiện; nhân lực, phương tiện, thiết bị thực hiện bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường thủy nội địa; - Khối lượng quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa theo mẫu quy định tại (<i>Phụ lục H – TCVN 11392:2017</i>); - Hướng dẫn lập hồ sơ phương án báo hiệu của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (nếu có); - Dự toán quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa áp dụng định mức, định ngạch, đơn giá theo các văn bản quy định hiện hành (nếu có).	Điều 6. Hồ sơ phương án báo hiệu, dự toán quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công trình đường thủy nội địa 1. Sơ đồ bố trí báo hiệu kèm theo tọa độ báo hiệu (nếu có). 2. Thuyết minh phương án bố trí báo hiệu, thuyết minh phương án kỹ thuật quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công trình đường thủy nội địa; nhân lực, phương tiện, thiết bị chủ chốt thực hiện bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường thủy nội địa. 3. Khối lượng quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công trình đường thủy nội địa theo mẫu quy định tại (<i>Phụ lục H – TCVN 11392:2017</i>). 4. Hướng dẫn lập hồ sơ phương án báo hiệu của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (nếu có). 5. Dự toán quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công trình đường thủy nội địa áp dụng định mức, định ngạch, đơn giá theo các văn bản quy định hiện hành (nếu có).

Mục 2

CÔNG TÁC KIỂM TRA, NGHIỆM THU QUẢN LÝ, BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA QUỐC GIA

Điều 11. Kiểm tra công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên ĐTNĐ

1. Kiểm tra thường xuyên

- Nội dung kiểm tra thường xuyên theo quy định tại Mục 7.2.1 khoản 7.2 Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 11392:2017 và hình ảnh ~~hoặc dữ liệu camera~~ quá trình thực hiện công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa;

- Kiểm tra thường xuyên không quy định lập biên bản; sau kiểm tra ghi chép vào hệ thống sổ nghiệp vụ theo mẫu quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 11392:2017 (trừ trường hợp phát sinh các tình huống đột xuất gây mất an toàn giao thông đường thủy);

- Tổng hợp, lập báo cáo những tình huống phát sinh trong phạm vi bảo vệ luồng; diễn biến thay đổi luồng, bãi cạn, vật chướng ngại và hư hỏng báo hiệu, công trình phụ trợ theo mẫu quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 11392:2017. Thời gian thực hiện báo cáo ngay sau khi kết thúc công tác kiểm tra tuyến;

- Thành phần kiểm tra thường xuyên: nhà thầu thực hiện quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa.

- Thời gian thực hiện: theo kế hoạch triển khai thực hiện công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa của nhà thầu.

2. Kiểm tra định kỳ

Mục 2

CÔNG TÁC KIỂM TRA, NGHIỆM THU QUẢN LÝ, BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA QUỐC GIA

Điều 7. Kiểm tra công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công trình đường thủy nội địa

1. Kiểm tra thường xuyên

a) Nội dung kiểm tra thường xuyên theo quy định tại Mục 7.2.1 khoản 7.2 Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 11392:2017;

b) Kiểm tra thường xuyên không quy định lập biên bản; sau kiểm tra ghi chép vào hệ thống sổ nghiệp vụ theo mẫu quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 11392:2017. Trường hợp phát sinh các tình huống đột xuất gây mất an toàn giao thông đường thủy, triển khai phương án đảm bảo an toàn giao thông thủy và thông báo ngay đến Đại diện Chủ đầu tư và các cơ quan có thẩm quyền địa phương nơi gần nhất để phối hợp xử lý;

c) Kết quả hình ảnh về những thay đổi, xuất hiện mới (vị trí báo hiệu, vật chướng ngại, bãi cạn, tình hình luồng, đầu đở phương tiện, công việc bảo trì). Tổng hợp, lập báo cáo những tình huống phát sinh theo mẫu quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 11392:2017. Thời gian thực hiện báo cáo sau khi kết thúc công tác kiểm tra tuyến;

d) Thành phần kiểm tra thường xuyên: Nội bộ nhà thầu thực hiện quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công trình đường thủy nội địa.

đ) Thời gian thực hiện: theo kế hoạch triển khai thực hiện công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công trình đường thủy nội địa của nhà thầu.

2. Kiểm tra định kỳ

- Nội dung kiểm tra + Theo quy định tại Mục 7.2.2 khoản 7.2 Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 11392:2017; + Dữ liệu camera hoặc hình ảnh thực hiện công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa lưu trữ của nhà thầu; + Kế hoạch thực hiện công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa của nhà thầu; Sau kiểm tra phải lập biên bản kiểm tra theo mẫu quy định tại Phụ lục A Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 11392:2017; - Thành phần kiểm tra + Đại diện Chủ đầu tư; + Nhà thầu thực hiện quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa. - Thời gian thực hiện: mỗi tháng 01 lần, kết hợp với nghiệm thu tháng; 3. Kiểm tra đột xuất - Nội dung kiểm tra: theo quy định tại Mục 7.2.3 khoản 7.2 Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 11392:2017; - Sau kiểm tra phải lập biên bản kiểm tra hiện trường theo mẫu quy định tại Phụ lục B Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 11392:2017; - Thành phần kiểm tra gồm: Chủ đầu tư (nếu có); đại diện chủ đầu tư; nhà thầu thực hiện quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa. - Thời gian thực hiện: sau khi có sự cố bất thường do thiên tai, luồng	a) Nội dung kiểm tra - Theo quy định tại Mục 7.2.2 khoản 7.2 Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 11392:2017. Kiểm tra tuyến luồng định kỳ theo kế hoạch của cơ quan quản lý đường thủy nội địa khu vực (Đại diện chủ đầu tư); - Kế hoạch thực hiện công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công trình đường thủy nội địa của nhà thầu; - Kết quả kiểm tra định kỳ tháng được đánh giá, xác định điểm trên cơ sở công tác nội nghiệp, hiện trường và lập biên bản theo quy định. Kết quả nghiệm thu quý trên cơ sở kết quả chất lượng điểm đã được đánh giá. b) Thành phần kiểm tra - Đại diện Chủ đầu tư (nghiệm thu tháng, quý); - Nhà thầu thực hiện quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công trình đường thủy nội địa. c) Thời gian thực hiện: theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 08/2019/TT-BGTVT ngày 28/02/2019. Trường hợp kiểm tra tuyến hiện trường (bao gồm kiểm tra đột xuất), thời gian do Đại diện Chủ đầu tư quyết định. Đối với tháng cuối cùng trong quý, thời gian kiểm tra tháng trùng với thời gian kiểm tra quý. 3. Kiểm tra đột xuất a) Nội dung kiểm tra: theo quy định tại Mục 7.2.3 khoản 7.2 Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 11392:2017. Kết quả kiểm tra được lập biên bản theo quy định; b) Thành phần kiểm tra gồm: Chủ đầu tư (nếu có); đại diện chủ đầu tư; nhà thầu thực hiện quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công trình đường thủy nội địa; c) Thời gian thực hiện: sau khi có sự cố bất thường do thiên tai, luồng khan cạn, tai nạn giao thông đường thủy nội địa hoặc kiểm tra đột xuất thực hiện công tác
---	--

khan cạn, tai nạn giao thông đường thủy nội địa hoặc kiểm tra khối lượng, chất lượng thực hiện công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa;	quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công trình đường thủy nội địa.
Điều 12. Nghiệm thu công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa 1. Nội dung, trình tự quản lý chất lượng a) Bàn giao mặt bằng thực hiện: bàn giao kết cấu hạ tầng đường thủy và các nội dung khác có liên quan đến công việc thực hiện quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa (nếu có). - Kết quả bàn giao mặt bằng được lập thành biên bản theo Mẫu số 1A tại Phụ lục của Quyết định này. - Thành phần bàn giao gồm: Chủ đầu tư; đại diện Chủ đầu tư (chịu trách nhiệm kiểm tra, bàn giao thực tế hiện trường); đơn vị giám sát (nếu có); nhà thầu thực hiện quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa. b) Kiểm tra, nghiệm thu công tác triển khai phương tiện, thiết bị, nhân sự - Nội dung kiểm tra: + Hồ sơ phương tiện, thiết bị, nhân lực của nhà thầu; + Kiểm tra phương tiện, thiết bị và nhân lực của nhà thầu triển khai tại một số vị trí thực hiện; - Kết quả nghiệm thu công tác triển khai phương tiện, thiết bị, nhân lực được lập thành biên bản theo Mẫu số 2 tại Phụ lục của Quyết định này. - Thành phần kiểm tra, nghiệm thu gồm: Chủ đầu tư; đại diện Chủ	Điều 8. Nghiệm thu công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công trình đường thủy nội địa 1. Nội dung, trình tự quản lý chất lượng a) Bàn giao mặt bằng thực hiện: bàn giao kết cấu hạ tầng đường thủy và các nội dung khác có liên quan đến công việc thực hiện quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công trình đường thủy nội địa (nếu có). - Kết quả bàn giao mặt bằng được lập thành biên bản theo Mẫu số 1 tại Phụ lục của Quyết định này. - Thành phần bàn giao gồm: Chủ đầu tư; đại diện Chủ đầu tư; đơn vị giám sát (nếu có); nhà thầu thực hiện quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công trình đường thủy nội địa. b) Kiểm tra, nghiệm thu công tác triển khai phương tiện, thiết bị, nhân sự và vật liệu đầu vào (nếu có). - Nội dung kiểm tra: + Hồ sơ phương tiện, thiết bị, nhân lực và vật liệu đầu vào của nhà thầu; + Kiểm tra phương tiện, thiết bị, nhân lực và vật liệu đầu vào của nhà thầu triển khai tại hiện trường; - Kết quả nghiệm thu công tác triển khai phương tiện, thiết bị, nhân lực, vật liệu đầu vào và thay đổi, bổ sung (nếu có) được lập thành biên bản theo Mẫu số 2 tại Phụ lục của Quyết định này.

đầu tư (chịu trách nhiệm kiểm tra, nghiệm thu thực tế hiện trường); đơn vị giám sát (nếu có); nhà thầu thực hiện quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa.

c) Nghiệm thu công việc (nội bộ nhà thầu)

- Kết quả nghiệm thu công việc được lập thành biên bản theo Mẫu số 3A tại Phụ lục của Quyết định này;

- Thành phần nghiệm thu gồm: Tổ (đội) thực hiện quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa và lãnh đạo phụ trách kỹ thuật của nhà thầu.

d) Nghiệm thu giai đoạn hai bên A - B (nghiệm thu tháng; nghiệm thu quý)

- Kết quả nghiệm thu giai đoạn được lập thành biên bản theo Mẫu số 4A (Mẫu số 5) tại Phụ lục của Quyết định này. Nghiệm thu quý là tổng hợp kết quả nghiệm thu các tháng trong quý.

- Thành phần nghiệm thu gồm:

+ Nghiệm thu tháng gồm: Đại diện Chủ đầu tư (chịu trách nhiệm kiểm tra, nghiệm thu thực tế hiện trường); đơn vị giám sát (nếu có); nhà thầu thực hiện quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa.

+ Nghiệm thu quý gồm: Chủ đầu tư; đại diện Chủ đầu tư; đơn vị giám sát (nếu có); nhà thầu thực hiện quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa.

e) Nghiệm thu hoàn thành hai bên A – B.

- Kết quả nghiệm thu hoàn thành được lập thành biên bản theo Mẫu số 6 tại Phụ lục của Quyết định này. Nghiệm thu hoàn thành là tổng hợp kết

- Thành phần kiểm tra, nghiệm thu gồm: Đại diện Chủ đầu tư; đơn vị giám sát (nếu có); nhà thầu thực hiện quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công trình đường thủy nội địa.

c) Nghiệm thu công việc (nội bộ nhà thầu)

- Kết quả nghiệm thu công việc được lập thành biên bản theo Mẫu số 3 tại Phụ lục của Quyết định này;

- Thành phần nghiệm thu gồm: Tổ (đội) thực hiện quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công trình đường thủy nội địa và lãnh đạo của nhà thầu.

d) Nghiệm thu giai đoạn (nghiệm thu tháng; nghiệm thu quý)

- Kết quả nghiệm thu giai đoạn được lập thành biên bản theo Mẫu số 4, Mẫu số 5 tại Phụ lục của Quyết định này. Nghiệm thu quý là tổng hợp kết quả nghiệm thu các tháng trong quý.

- Thành phần nghiệm thu:

+ Nghiệm thu tháng gồm: Đại diện Chủ đầu tư; đơn vị giám sát (nếu có); nhà thầu thực hiện quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công trình đường thủy nội địa;

+ Nghiệm thu quý gồm: Chủ đầu tư; Đại diện Chủ đầu tư; đơn vị giám sát (nếu có); nhà thầu thực hiện quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công trình đường thủy nội địa.

e) Nghiệm thu hoàn thành.

- Kết quả nghiệm thu hoàn thành được lập thành biên bản theo Mẫu số 6 tại Phụ lục của Quyết định này. Nghiệm thu hoàn thành là tổng hợp kết quả nghiệm thu các quý trong năm.

- Thành phần nghiệm thu gồm: Chủ đầu tư; Đại diện Chủ đầu tư; đơn vị giám sát (nếu có); nhà thầu thực hiện quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công trình đường thủy nội địa.

quả nghiệm thu các quý trong năm. - Thành phần nghiệm thu gồm: Chủ đầu tư; đại diện Chủ đầu tư; đơn vị giám sát (nếu có); nhà thầu thực hiện quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa. 2. Đối tượng nghiệm thu Toàn bộ các công việc quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa được thực hiện theo kế hoạch của nhà thầu, hợp đồng giữa hai bên và phương án được duyệt. 3. Tài liệu phục vụ nghiệm thu - Hợp đồng thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa; - Hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu; - Báo cáo thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa; - Hồ sơ phương án kỹ thuật công tác bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa; - Quyết định phê duyệt công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa (trường hợp đặt hàng); - Kế hoạch thực hiện, bảng tổng hợp khối lượng chi tiết thực hiện trong kỳ nghiệm thu của đơn vị thực hiện bảo dưỡng thường xuyên; - Hồ sơ hoàn thành công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa; - Các sổ nhật ký; biên bản kiểm tra định kỳ; biên bản kiểm tra đột	2. Đối tượng nghiệm thu Toàn bộ các công việc quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công trình đường thủy nội địa được thực hiện theo kế hoạch của nhà thầu, hợp đồng giữa hai bên và phương án được duyệt. 3. Tài liệu phục vụ nghiệm thu tháng a) Hợp đồng thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên công trình đường thủy nội địa; b) Hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu; c) Báo cáo thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên công trình đường thủy nội địa; d) Hồ sơ phương án kỹ thuật công tác bảo dưỡng thường xuyên công trình đường thủy nội địa; đ) Quyết định phê duyệt công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công trình đường thủy nội địa (trường hợp đặt hàng); e) Kế hoạch thực hiện, bảng tổng hợp khối lượng chi tiết thực hiện trong kỳ nghiệm thu của đơn vị thực hiện bảo dưỡng thường xuyên công trình đường thủy nội địa; f) Hồ sơ hoàn thành công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công trình đường thủy nội địa thực hiện tháng; g) Các sổ nghiệp vụ; biên bản kiểm tra định kỳ; biên bản kiểm tra đột xuất (nếu có); h) Hình ảnh: sau khi hoàn thành công việc bảo trì báo hiệu; có vật chướng ngại, bãi cạn mới; phương tiện đậu đỗ ra luồng; luồng thay đổi hoặc xuất hiện luồng mới. Hình ảnh phải được nhà thầu xác nhận (chữ ký của người có thẩm quyền hoặc
--	---

xuất (nếu có); - Các sổ nghiệp vụ và văn bản có liên quan đến công tác bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa; - Dữ liệu camera hoặc hình ảnh quá trình thực hiện công việc quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa lưu trữ của nhà thầu (theo quy định tại Điều 8 quy định này). 4. Thời gian tổ chức nghiệm thu - Nghiệm thu công việc (nội bộ nhà thầu): sau khi hoàn thành các nội dung công tác bảo dưỡng thường xuyên như nội dung quy định tại khoản 7.2 của Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 11392:2017 hoàn thành trong tháng; - Nghiệm thu tháng: tháng liền sau tháng yêu cầu nghiệm thu; - Nghiệm thu quý: kết hợp cùng với thời gian nghiệm thu tháng cuối của quý. - Nghiệm thu hoàn thành: tháng cuối quý IV của năm thực hiện kế hoạch, nghiệm thu giai đoạn quý IV kết hợp cùng với nghiệm thu hoàn thành (thời gian nghiệm thu hoàn thành ngày 31/12 của năm thực hiện kế hoạch).	đóng dấu treo) và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của hình ảnh đối với công việc đã thực hiện. Đối với công việc bảo trì báo hiệu, ngoài nhật ký sổ nghiệp vụ theo quy định, số lượng của các báo hiệu được chụp ảnh phải đáp ứng tối thiểu 80% trên tổng số báo hiệu được thực hiện bảo trì trong tháng; Đối với báo hiệu thực hiện 02 (hai) nhiệm vụ bảo trì tại cùng thời điểm, chỉ chụp ảnh ghi lại hình ảnh kết quả hoàn thành của 01 (một) nhiệm vụ hoặc tổng hợp 02 (hai) nhiệm vụ và kèm theo nhật ký sổ nghiệp vụ. i) Kết quả nghiệm thu công việc (nội bộ nhà thầu). 4. Thời gian tổ chức nghiệm thu a) Nghiệm thu công việc (nội bộ nhà thầu): sau khi hoàn thành các nội dung công tác bảo dưỡng thường xuyên như nội dung quy định tại khoản 7.2 của Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 11392:2017 hoàn thành trong tháng; b) Nghiệm thu tháng: tháng liền sau tháng yêu cầu nghiệm thu; c) Nghiệm thu quý: kết hợp cùng với thời gian nghiệm thu tháng cuối của quý. d) Nghiệm thu hoàn thành: tháng cuối quý IV của năm thực hiện kế hoạch, nghiệm thu giai đoạn quý IV kết hợp cùng với nghiệm thu hoàn thành (thời gian nghiệm thu hoàn thành ngày 31/12 của năm thực hiện kế hoạch).
Điều 13. Hồ sơ hoàn thành công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa. 1. Cơ sở lập hồ sơ hoàn thành Hồ sơ hoàn thành được lập trên cơ sở các văn bản pháp lý và kết quả kiểm tra, nghiệm thu chất lượng công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên	Điều 9. Hồ sơ hoàn thành công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa. 1. Cơ sở lập hồ sơ hoàn thành Hồ sơ hoàn thành được lập trên cơ sở các văn bản pháp lý và kết quả kiểm tra, nghiệm thu chất lượng công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công trình đường

đường thủy nội địa. 2. Nội dung hồ sơ hoàn thành a) Hồ sơ pháp lý - Quyết định phê duyệt phương án báo hiệu công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa; - Hợp đồng thực hiện công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa; - Các văn bản pháp lý có liên quan. b) Hồ sơ chất lượng - Biên bản bàn giao mặt bằng; - Biên bản kiểm tra, nghiệm thu công tác triển khai phương tiện, thiết bị, nhân sự, vật liệu đầu vào; - Các biên bản nghiệm thu công việc (nội bộ nhà thầu theo từng tháng); - Các biên bản nghiệm thu giai đoạn (nghiệm thu tháng; nghiệm thu quý hai bên A - B); - Biên bản nghiệm thu hoàn thành (hai bên A - B); - Phiếu giao việc (kế hoạch thực hiện), bảng tổng hợp khối lượng chi tiết thực hiện trong các kỳ nghiệm thu của nhà thầu bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa; - Các hồ sơ, bản vẽ sơ họa, nhật ký bảo dưỡng thường xuyên tuyến và báo hiệu ... các văn bản có liên quan đến chất lượng, khối lượng thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa;	thủy nội địa. 2. Nội dung hồ sơ hoàn thành a) Hồ sơ pháp lý - Quyết định phê duyệt phương án, dự toán công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công trình đường thủy nội địa; - Hợp đồng thực hiện công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công trình đường thủy nội địa; - Các văn bản pháp lý có liên quan đến gói thầu. b) Hồ sơ chất lượng - Biên bản bàn giao mặt bằng; - Biên bản kiểm tra, nghiệm thu công tác triển khai phương tiện, thiết bị, nhân sự; - Các biên bản nghiệm thu công việc (nội bộ nhà thầu theo từng tháng); - Các biên bản nghiệm thu giai đoạn (nghiệm thu tháng; nghiệm thu quý); - Biên bản nghiệm thu hoàn thành; - Các sổ nghiệp vụ bảo dưỡng thường xuyên tuyến các văn bản có liên quan đến thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên công trình đường thủy nội địa; - Các biên bản kiểm tra định kỳ, đột xuất (nếu có). 3. Yêu cầu và quy định về hồ sơ hoàn thành - Hồ sơ hoàn thành được lập trước khi tổ chức kiểm tra, nghiệm thu; - Hồ sơ hoàn thành được đóng thành bộ.
--	--

- Các biên bản kiểm tra định kỳ, đột xuất (nếu có). 3. Yêu cầu và quy định về hồ sơ hoàn thành - Hồ sơ hoàn thành được lập trước khi tổ chức kiểm tra, nghiệm thu; - Hồ sơ hoàn thành được đóng thành bộ. 4. Nơi nhận, lưu giữ hồ sơ hoàn thành a) Đối với các tuyến đường thủy nội địa quốc gia không ủy quyền quản lý - Nhà thầu thực hiện quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa (02 bộ); - Đại diện chủ đầu tư (02 bộ); - Chủ đầu tư 03 bộ (Cục Đường thủy nội địa Việt Nam: Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng 01 bộ, Phòng Kế hoạch - Đầu tư 01 bộ, Phòng Tài chính 01 bộ). b) Đối với các tuyến đường thủy nội địa quốc gia ủy quyền quản lý - Nhà thầu thực hiện quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa (04 bộ); - Sở Giao thông vận tải ủy quyền quản lý tuyến đường thủy nội địa quốc gia (03 bộ).	4. Nơi nhận, lưu giữ hồ sơ hoàn thành a) Đối với các tuyến đường thủy nội địa quốc gia không ủy quyền quản lý - Nhà thầu thực hiện quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công trình đường thủy nội địa (02 bộ); - Đại diện chủ đầu tư (02 bộ); - Chủ đầu tư (03 bộ). b) Đối với các tuyến đường thủy nội địa quốc gia ủy quyền quản lý - Nhà thầu thực hiện quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa (04 bộ); - Cơ quan, đơn vị được giao ủy quyền quản lý (03 bộ).
Chương IV QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG TRONG CÔNG TÁC ĐIỀU TIẾT KHÔNG CHẾ ĐẢM BẢO GIAO THÔNG, CHÓNG VA TRÔI TRÊN ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA QUỐC GIA	Chương III QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC ĐIỀU TIẾT KHÔNG CHẾ BẢO ĐẢM AN TOÀN GIAO THÔNG, CHÓNG VA TRÔI ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA QUỐC GIA

Điều 14. Lập hồ sơ phương án điều tiết không chế đảm bảo giao thông, chống và trôi trên đường thủy nội địa quốc gia

1. Thành phần kiểm tra xây dựng phương án điều tiết không chế đảm bảo giao thông, chống và trôi

- Đại diện Chủ đầu tư;
- Đơn vị (nhà thầu) đang thực hiện công tác đảm bảo an toàn giao thông (nếu có);

- Đơn vị (nhà thầu) lập dự toán (nếu có);

2. Nội dung công tác kiểm tra xây dựng phương án điều tiết không chế đảm bảo giao thông, chống và trôi

Đại diện Chủ đầu tư chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xác định, thống nhất làm cơ sở lập hồ sơ phương án báo hiệu: sơ đồ bố trí báo hiệu, thuyết minh phương án kỹ thuật công tác điều tiết không chế đảm bảo giao thông, chống và trôi của năm kế hoạch các nội dung:

- Luồng chạy tàu trong phạm vi cần điều tiết không chế đảm bảo giao thông, chống và trôi;
- Báo hiệu hiện trạng khu vực thực hiện điều tiết không chế đảm bảo giao thông, chống và trôi;
- Các yếu tố thủy văn: lưu tốc, hướng dòng chảy, chế độ thủy văn;
- Các yếu tố ảnh hưởng đến luồng chạy tàu và phạm vi hành lang bảo vệ luồng (công trình ven sông, vượt sông...);
- Lưu lượng, chủng loại phương tiện đi qua khu vực điều tiết không chế đảm bảo an toàn giao thông, chống và trôi.

Mục 1

CÔNG TÁC LẬP HỒ SƠ PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT, DỰ TOÁN CÔNG TÁC ĐIỀU TIẾT KHÔNG CHẾ BẢO ĐẢM AN TOÀN GIAO THÔNG, CHỐNG VÀ TRÔI ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA QUỐC GIA

Điều 10. Lập phương án kỹ thuật

1. Kiểm tra hiện trạng các vị trí điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông ĐTNĐ trên các tuyến ĐTNĐ quốc gia

a) Thành phần kiểm tra

- Đại diện Chủ đầu tư hoặc Sở GTVT được ủy thác;
- Đơn vị (nhà thầu) thực hiện quản lý, bảo dưỡng thường xuyên, điều tiết không chế bảo đảm an toàn giao thông, chống và trôi đường thủy nội địa;
- Đơn vị (nhà thầu) tư vấn lập phương án kỹ thuật, dự toán (nếu có);

b) Nội dung kiểm tra

Đại diện Chủ đầu tư hoặc Sở GTVT được ủy thác chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xác định, thống nhất làm cơ sở lập hồ sơ phương án kỹ thuật: sơ đồ tuyến qua khu vực điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông, thuyết minh phương án kỹ thuật của năm kế hoạch các nội dung:

- Hiện trạng khu vực điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông đường thủy nội địa, tình hình diễn biến tai nạn trên khu vực, hệ thống báo hiệu, tín hiệu, vật chướng ngại trên tuyến;
- Các vị trí điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông cần điều chỉnh, bổ sung của từng vị trí trên tuyến đường thủy nội địa kèm theo tọa độ vị trí (nếu có);
- Sơ họa các vị trí nguy hiểm trên luồng thay đổi so với phương án kỹ thuật cũ, các vị trí công trình mới trên tuyến (cầu vượt sông, kè, đường dây, đường ngầm,

- Khu vực trạm điều tiết không chế đảm bảo an toàn giao thông, chống va trôi để bố trí phương tiện, báo hiệu, nhân lực, thiết bị. - Các tiêu chí về điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông đường thủy nội địa. 3. Lập phương án công tác điều tiết không chế đảm bảo giao thông, chống va trôi Căn cứ vào số liệu điều tra, khảo sát và các văn bản hiện hành, yêu cầu huy động thực hiện điều tiết không chế đảm bảo giao thông, chống va trôi của cơ quan có thẩm quyền (nếu có) lập phương án với các nội dung sau: - Thuyết minh về điều kiện tự nhiên, địa hình, cơ sở thực hiện điều tiết không chế đảm bảo giao thông, chống va trôi trên đường thủy nội địa; - Bố trí trạm điều tiết không chế đảm bảo giao thông, chống va trôi: số lượng, vị trí; - Bố trí báo hiệu điều tiết đảm bảo an toàn giao thông, chống va trôi về số lượng, vị trí; - Phương tiện, nhân công điều tiết không chế đảm bảo giao thông, chống va trôi; - Thời gian, mực nước thực hiện điều tiết không chế đảm bảo giao thông, chống va trôi; - Bản vẽ sơ đồ bố trí trạm, báo hiệu, phương tiện điều tiết không chế đảm bảo giao thông, chống va trôi; - Quy chế đi lại trong thời gian điều tiết không chế đảm bảo giao thông, chống va trôi.	các vật chướng ngại...). c) Thời gian thực hiện - Thực hiện kiểm tra hiện trạng để thực hiện lập phương án kỹ thuật trong đợt kiểm tra trên tuyến quý II, quý III năm trước của năm kế hoạch; - Thực hiện lập, trình phương án kỹ thuật trước ngày 25/5 năm trước của năm kế hoạch và theo yêu cầu của Chủ đầu tư. 2. Phương án kỹ thuật lập trên cơ sở các tiêu chí: a) Công tác điều tiết không chế bảo đảm an toàn giao thông thực hiện trên cơ sở các tiêu chí quy định tại Điều 5 của Thông tư số 42/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác điều tiết không chế bảo đảm an toàn giao thông, chống va trôi và hạn chế giao thông đường thủy nội địa. b) Công tác chống va trôi thực hiện trên cơ sở các tiêu chí quy định tại Điều 6 của Thông tư số 42/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác điều tiết không chế bảo đảm an toàn giao thông, chống va trôi và hạn chế giao thông đường thủy nội địa. Các trường hợp đặc biệt khác: ngoài tiêu chí đã quy định nêu trên, tùy những vị trí đặc biệt nguy hiểm, có đề nghị các cấp có thẩm quyền xem xét bổ sung để thực hiện công tác điều tiết không chế bảo đảm an toàn giao thông, chống va trôi nhằm đảm bảo an toàn cho các phương tiện thủy qua khu vực nguy hiểm an toàn, thuận lợi.
--	--

4. Thời gian lập, trình phương án, dự toán điều tiết không chế đảm bảo giao thông, chống va trôi Lập phương án bố trí báo hiệu, phương án kỹ thuật công tác điều tiết không chế đảm bảo giao thông, chống va trôi trình Cục Đường thủy nội địa Việt Nam trước ngày 25/5 của năm trước năm kế hoạch và theo yêu cầu của Chủ đầu tư.	
	Điều 11. Hồ sơ phương án kỹ thuật, dự toán điều tiết không chế bảo đảm an toàn giao thông, chống va trôi 1. Sơ đồ bố trí trạm. 2. Thuyết minh phương án kỹ thuật, dự toán điều tiết không chế bảo đảm an toàn giao thông, chống va trôi; vị trí trạm, nhân lực, phương tiện, thiết bị thực hiện điều tiết không chế bảo đảm an toàn giao thông, chống va trôi. 3. Khối lượng điều tiết không chế bảo đảm an toàn giao thông, chống va trôi theo mẫu tại phụ lục số XXI, XXII của Thông tư số 42/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác điều tiết không chế bảo đảm an toàn giao thông, chống va trôi và hạn chế giao thông đường thủy nội địa. 4. Dự toán điều tiết không chế bảo đảm an toàn giao thông, chống va trôi theo các văn bản quy định hiện hành (nếu có).
	Mục 2 CÔNG TÁC KIỂM TRA, NGHIỆM THU ĐIỀU TIẾT KHÔNG CHẾ BẢO ĐẢM AN TOÀN GIAO THÔNG, CHỐNG VA TRÔI ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA QUỐC GIA
Điều 15. Quy định kiểm tra, nghiệm thu thực hiện điều tiết không chế đảm bảo giao thông, chống va trôi	Điều 12. Kiểm tra, nghiệm thu và hồ sơ quản lý chất lượng công tác điều tiết đảm bảo giao thông, chống va trôi đường thủy nội địa

1. Quy định kiểm tra, nghiệm thu Việc kiểm tra, nghiệm thu khối lượng thực hiện, khối lượng hoàn thành theo yêu cầu của nhà thầu, kế hoạch nghiệm thu đã thống nhất và hợp đồng đã ký kết. a) Căn cứ kiểm tra, nghiệm thu. - Quyết định phê duyệt phương án, dự toán công tác điều tiết không chế đảm bảo giao thông, chống và trôi; - Hợp đồng thực hiện công tác điều tiết không chế đảm bảo giao thông, chống và trôi; - Hồ sơ dự thầu, mời thầu; - Sổ nghiệp vụ, sổ nhật ký, gồm: + Sổ phân ca theo Mẫu 7 quy định tại Phụ lục của Quyết định này; + Nhật ký công tác điều tiết không chế đảm bảo giao thông, chống và trôi theo Mẫu 8 quy định tại Phụ lục của Quyết định này; + Nhật ký phương tiện theo Mẫu 9 quy định tại Phụ lục của Quyết định này; + Sổ theo dõi lưu lượng vận tải theo Mẫu 10 quy định tại Phụ lục của Quyết định này; + Sổ theo dõi mực nước theo Mẫu 11 quy định tại Phụ lục của Quyết định này; + Biên bản hỗ trợ, cứu hộ, cứu nạn phương tiện theo Mẫu số 12 tại Phụ lục Quyết định này; - Quy chế điều tiết không chế đảm bảo giao thông, chống và trôi; - Báo cáo kết quả thực hiện công tác điều tiết không chế đảm bảo	1. Nội dung, trình tự quản lý chất lượng Quy định về kiểm tra, nghiệm thu và hồ sơ quản lý chất lượng công tác điều tiết đảm bảo giao thông, chống và trôi đường thủy nội địa thực hiện theo các quy định của Thông tư số 42/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác điều tiết không chế bảo đảm an toàn giao thông, chống và trôi và hạn chế giao thông đường thủy nội địa, cụ thể: a) Bàn giao mặt bằng thực hiện: - Nội dung: bàn giao kết cấu hạ tầng đường thủy và các nội dung khác có liên quan đến công việc thực hiện điều tiết không chế bảo đảm an toàn giao thông, chống và trôi (nếu có). - Kết quả bàn giao mặt bằng được lập thành biên bản theo Mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư số 42/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021. - Thành phần bàn giao gồm: Chủ đầu tư; đại diện Chủ đầu tư; đơn vị giám sát (nếu có); nhà thầu thực hiện công tác điều tiết không chế bảo đảm an toàn giao thông, chống và trôi đường thủy nội địa. b) Kiểm tra, nghiệm thu công tác triển khai phương tiện, thiết bị, nhân sự và vật liệu đầu vào (nếu có): - Nội dung kiểm tra: + Hồ sơ phương tiện, thiết bị, nhân lực và vật liệu đầu vào của nhà thầu; + Kiểm tra phương tiện, thiết bị, nhân lực và vật liệu đầu vào của nhà thầu triển khai tại hiện trường; - Kết quả nghiệm thu công tác triển khai phương tiện, thiết bị, nhân lực, vật liệu đầu vào và thay đổi, bổ sung (nếu có) được lập thành biên bản theo Mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư số 42/2021/TT-BGTVT ngày
--	--

giao thông, chống và trôi (tuần, tháng, quý, hoàn thành) trong đó nêu rõ số lượt phương tiện qua trạm, số lượt phương tiện được hướng dẫn, hỗ trợ, những phương tiện gây cản trở, không theo hướng dẫn gây ảnh hưởng mất an toàn giao thông, mất an toàn công trình cầu;

- Biên bản kiểm tra, giám sát (nếu có);

- Các biên bản nghiệm thu thực hiện điều tiết không chế đảm bảo giao thông, chống và trôi (nếu có).

b) Kiểm tra, nghiệm thu

- Kiểm tra, nghiệm thu hệ thống báo hiệu phục vụ công tác điều tiết không chế đảm bảo giao thông;

- Kiểm tra, nghiệm thu nhân lực, phương tiện, thiết bị và giờ nổ máy thực hiện điều tiết không chế đảm bảo giao thông, chống và trôi;

- Đánh giá chất lượng thực hiện công tác điều tiết không chế đảm bảo giao thông, chống và trôi (căn cứ vào các biên bản kiểm tra, hệ thống sổ, báo cáo, báo hiệu, phương tiện, thiết bị và an toàn giao thông trên tuyến).

2. Nội dung kiểm tra, nghiệm thu

- Sổ nghiệp vụ, sổ nhật ký và báo cáo theo quy định;

- Phương tiện, thiết bị, nhân lực theo phương án duyệt;

- Hệ thống báo hiệu phục vụ điều tiết không chế đảm bảo giao thông theo phương án được duyệt;

- Kết quả thực hiện phương án điều tiết không chế đảm bảo giao thông, chống và trôi;

- Kiểm tra đột xuất thực hiện điều tiết không chế đảm bảo giao thông, chống và trôi.

31/12/2021.

- Thành phần kiểm tra, nghiệm thu gồm: Đại diện Chủ đầu tư; đơn vị giám sát (nếu có); nhà thầu thực hiện công tác điều tiết không chế bảo đảm an toàn giao thông, chống và trôi đường thủy nội địa.

c) Nghiệm thu công việc (nội bộ nhà thầu)

- Kết quả nghiệm thu công việc được lập thành biên bản theo Mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư số 42/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021.

- Thành phần nghiệm thu gồm: Tổ (đội) thực hiện công tác điều tiết không chế bảo đảm an toàn giao thông, chống và trôi đường thủy nội địa và lãnh đạo của nhà thầu.

d) Nghiệm thu giai đoạn (nghiệm thu tháng; nghiệm thu quý):

- Kết quả nghiệm thu giai đoạn được lập thành biên bản theo Mẫu quy định tại Phụ lục XV, XVI, XVII, XVIII ban hành kèm theo Thông tư số 42/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021. Nghiệm thu quý là tổng hợp kết quả nghiệm thu các tháng trong quý.

- Thành phần nghiệm thu:

- + Nghiệm thu tháng gồm: Đại diện Chủ đầu tư; đơn vị giám sát (nếu có); nhà thầu thực hiện công tác điều tiết không chế bảo đảm an toàn giao thông, chống và trôi đường thủy nội địa;

- + Nghiệm thu quý gồm: Chủ đầu tư; Đại diện Chủ đầu tư; đơn vị giám sát (nếu có); nhà thầu thực hiện công tác điều tiết không chế bảo đảm an toàn giao thông, chống và trôi đường thủy nội địa.

e) Nghiệm thu hoàn thành.

3. Nội dung, trình tự quản lý chất lượng a) Bàn giao mặt bằng thực hiện (các nội dung khác liên quan đến công việc thực hiện điều tiết không chế đảm bảo giao thông, chống va trôi (nếu có)) - Kết quả bàn giao mặt bằng được lập thành biên bản theo Mẫu số 1B tại Phụ lục của Quyết định này. - Thành phần bàn giao gồm: + Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng bàn giao mặt bằng điều tiết không chế đảm bảo giao thông; + Phòng Vận tải - An toàn giao thông bàn giao mặt bằng chống va trôi; + Chi cục Đường thủy nội địa chịu trách nhiệm kiểm tra, bàn giao thực tế hiện trường; + Đơn vị giám sát (nếu có); + Nhà thầu điều tiết không chế đảm bảo giao thông hoặc chống va trôi. Trường hợp khu vực không có Chi cục Đường thủy nội địa, Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng thực hiện bàn giao đối với công việc thực hiện điều tiết không chế đảm bảo giao thông, Phòng Vận tải - An toàn giao thông thực hiện bàn giao đối với công việc thực hiện chống va trôi. b) Kiểm tra, nghiệm thu công tác triển khai phương tiện, thiết bị, nhân sự. - Kết quả nghiệm thu công tác triển khai phương tiện, thiết bị, nhân lực được lập thành biên bản theo Mẫu số 2 tại Phụ lục của Quyết định này.	- Kết quả nghiệm thu hoàn thành được lập thành biên bản theo Mẫu quy định tại Phụ lục XIX, XX ban hành kèm theo Thông tư số 42/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021. Nghiệm thu hoàn thành là tổng hợp kết quả nghiệm thu các quý trong năm. - Thành phần nghiệm thu gồm: Chủ đầu tư; Đại diện Chủ đầu tư; đơn vị giám sát (nếu có); nhà thầu thực hiện công tác điều tiết không chế bảo đảm an toàn giao thông, chống va trôi đường thủy nội địa. 2. Đối tượng nghiệm thu: Công việc điều tiết không chế bảo đảm an toàn giao thông, chống va trôi đường thủy nội địa được thực hiện theo kế hoạch của nhà thầu, hợp đồng giữa hai bên và phương án được duyệt. 3. Tài liệu phục vụ nghiệm thu tháng: Theo quy định tại Khoản 1 Điều 15 Thông tư số 42/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021. 4. Thời gian tổ chức nghiệm thu: a) Nghiệm thu công việc (nội bộ nhà thầu): sau khi hoàn thành các nội dung công tác điều tiết không chế bảo đảm an toàn giao thông, chống va trôi đường thủy nội địa hoàn thành trong tháng; b) Nghiệm thu tháng: tháng liền sau tháng yêu cầu nghiệm thu; c) Nghiệm thu quý: kết hợp cùng với thời gian nghiệm thu tháng cuối của quý. d) Nghiệm thu hoàn thành: tháng cuối quý IV của năm thực hiện kế hoạch, nghiệm thu giai đoạn quý IV kết hợp cùng với nghiệm thu hoàn thành (thời gian nghiệm thu hoàn thành ngày 31/12 của năm thực hiện kế hoạch), hoặc nghiệm thu hoàn thành theo từng giai đoạn và ngay sau khi kết thúc thời gian thực hiện điều tiết, chống va trôi.
---	---

- Thành phần kiểm tra, nghiệm thu gồm: + Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng kiểm tra, nghiệm thu điều tiết không chế đảm bảo giao thông; + Phòng Vận tải - An toàn giao thông kiểm tra, nghiệm thu chống va trôi; + Chi cục Đường thủy nội địa chịu trách nhiệm kiểm tra, bàn giao thực tế hiện trường; + Đơn vị giám sát (nếu có); + Nhà thầu điều tiết không chế đảm bảo giao thông (hoặc chống va trôi). Trường hợp khu vực không có Chi cục Đường thủy nội địa, Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng nghiệm thu đối với công việc thực hiện điều tiết không chế đảm bảo giao thông, Phòng Vận tải - An toàn giao thông nghiệm thu đối với công việc thực hiện chống va trôi. c. Nghiệm thu công việc (nội bộ nhà thầu) - Kết quả nghiệm thu công việc được lập thành biên bản theo Mẫu số 3B tại Phụ lục của Quyết định này; - Thành phần nghiệm thu gồm: Nhà thầu điều tiết không chế đảm bảo giao thông, chống va trôi và người phụ trách kỹ thuật thực hiện trực tiếp của nhà thầu. d. Nghiệm thu giai đoạn (nghiệm thu tháng, hai bên A - B). - Kết quả nghiệm thu giai đoạn được lập thành biên bản theo Mẫu số 4B, 4C tại Phụ lục của Quyết định này; - Thành phần nghiệm thu gồm:	
--	--

- + Chi cục Đường thủy nội địa chịu trách nhiệm kiểm tra, nghiệm thu thực tế hiện trường;
- + Đơn vị giám sát (nếu có);
- + Nhà thầu điều tiết không chế đảm bảo giao thông (hoặc chống va trôi).

Trường hợp khu vực không có Chi cục Đường thủy nội địa, Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng nghiệm thu đối với công việc thực hiện điều tiết không chế đảm bảo giao thông, Phòng Vận tải - An toàn giao thông nghiệm thu đối với công việc thực hiện chống va trôi.

d) Nghiệm thu giai đoạn (nghiệm thu quý, hai bên A - B) đối với công tác điều tiết không chế đảm bảo giao thông cả năm.

- Kết quả nghiệm thu giai đoạn được lập thành biên bản theo Mẫu số 4D, 4E quy định tại Phụ lục của Quyết định này. Nghiệm thu quý là tổng hợp kết quả nghiệm thu các tháng trong quý.

- Thành phần nghiệm thu gồm:

- + Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng nghiệm thu điều tiết không chế đảm bảo giao thông;
- + Phòng Vận tải - An toàn giao thông nghiệm thu chống va trôi;
- + Chi cục Đường thủy nội địa (chịu trách nhiệm kiểm tra, nghiệm thu thực tế hiện trường);
- + Đơn vị giám sát (nếu có);
- + Nhà thầu điều tiết không chế đảm bảo giao thông hoặc chống va trôi.

Trường hợp khu vực không có Chi cục Đường thủy nội địa, Phòng

Quản lý kết cấu hạ tầng nghiệm thu đối với công việc thực hiện điều tiết không chế đảm bảo giao thông, Phòng Vận tải - An toàn giao thông nghiệm thu đối với công việc thực hiện chống va trôi. e) Nghiệm thu hoàn thành (hai bên A - B) - Kết quả nghiệm thu hoàn thành được lập thành biên bản theo Mẫu số 6B, 6C quy định tại Phụ lục của Quyết định này. Nghiệm thu hoàn thành là tổng hợp kết quả nghiệm thu các tháng hoặc các quý trong năm. - Thành phần nghiệm thu gồm: + Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng nghiệm thu điều tiết không chế đảm bảo giao thông; + Phòng Vận tải - An toàn giao thông nghiệm thu chống va trôi; + Chi cục Đường thủy nội địa (chịu trách nhiệm kiểm tra, nghiệm thu thực tế hiện trường); + Đơn vị giám sát (nếu có); + Nhà thầu điều tiết không chế đảm bảo giao thông hoặc chống va trôi. Trường hợp khu vực không có Chi cục Đường thủy nội địa, Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng nghiệm thu đối với công tác thực hiện điều tiết không chế đảm bảo giao thông, Phòng Vận tải - An toàn giao thông nghiệm thu đối với công tác thực hiện chống va trôi. 4. Thời gian nghiệm thu Theo từng giai đoạn và ngay sau khi kết thúc thời gian thực hiện điều tiết không chế đảm bảo giao thông, chống va trôi./.	
	Điều 13. Hồ sơ hoàn thành công tác điều tiết không chế bảo đảm an toàn giao thông, chống va trôi đường thủy nội địa.

	1. Cơ sở lập hồ sơ hoàn thành: Hồ sơ hoàn thành được lập trên cơ sở các văn bản pháp lý và kết quả kiểm tra, nghiệm thu chất lượng công tác điều tiết khống chế bảo đảm an toàn giao thông, chống va trôi đường thủy nội địa. 2. Nội dung hồ sơ hoàn thành: a) Hồ sơ pháp lý: - Quyết định phê duyệt phương án, dự toán công tác điều tiết khống chế bảo đảm an toàn giao thông, chống va trôi đường thủy nội địa; - Hợp đồng thực hiện công tác điều tiết khống chế bảo đảm an toàn giao thông, chống va trôi đường thủy nội địa; - Các văn bản pháp lý có liên quan. b) Hồ sơ chất lượng: - Biên bản bàn giao mặt bằng; - Biên bản kiểm tra, nghiệm thu công tác triển khai phương tiện, thiết bị, nhân sự, vật liệu đầu vào; - Các biên bản nghiệm thu công việc (nội bộ nhà thầu theo từng tháng); - Các biên bản nghiệm thu giai đoạn (nghiệm thu tháng; nghiệm thu quý); - Biên bản nghiệm thu hoàn thành; - Sổ nghiệp vụ, sổ nhật ký theo quy định tại điểm g Khoản 2 Điều 7 và Khoản 4 Điều 9 Thông tư số 42/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021. - Quy chế đi lại cho các phương tiện thủy qua lại khu vực điều tiết khống chế bảo đảm an toàn giao thông, chống va trôi và các văn bản có liên quan đến thực hiện công tác điều tiết khống chế bảo đảm an toàn giao thông, chống va trôi đường thủy
--	--

	nội địa; - Các biên bản kiểm tra định kỳ, đột xuất (nếu có). 3. Yêu cầu và quy định về hồ sơ hoàn thành - Hồ sơ hoàn thành được lập trước khi tổ chức kiểm tra, nghiệm thu; - Hồ sơ hoàn thành được đóng thành bộ. 4. Nơi nhận, lưu giữ hồ sơ hoàn thành a) Đối với các tuyến đường thủy nội địa quốc gia không ủy quyền quản lý - Nhà thầu thực hiện công tác điều tiết khổng chế bảo đảm an toàn giao thông, chống va trôi đường thủy nội địa (02 bộ); - Đại diện chủ đầu tư (02 bộ); - Chủ đầu tư (03 bộ). b) Đối với các tuyến đường thủy nội địa quốc gia ủy quyền quản lý - Nhà thầu thực hiện công tác điều tiết khổng chế bảo đảm an toàn giao thông, chống va trôi đường thủy nội địa (04 bộ); - Cơ quan, đơn vị được giao ủy quyền quản lý (03 bộ).
	MẪU PHỤ LỤC CÔNG TÁC BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA
Phụ lục: Mẫu số 1A CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</u>	Phụ lục: Mẫu số 1 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</u> BIÊN BẢN BÀN GIAO MẶT BẰNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO MẶT BẰNG Tên gói thầu Căn cứ Luật Giao thông Đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông Đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014; Căn cứ Quyết định/QĐ-CTND ngày/...../20.... của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam về việc phê duyệt phương án, dự toán ...; Căn cứ Quyết định/QĐ-CTND ngày/...../20.... của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Căn cứ Hợp đồng số/HĐKT-..... ngày/...../20.... Hôm nay, ngày tháng năm 20..... Chúng tôi gồm có: 1. Đại diện Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải (Chủ đầu tư) Ông: Chức vụ: 2. Đại diện Chi cục ĐTNĐ hoặc đơn vị được ủy quyền quản lý..... (bàn giao hiện trường) Ông: Chức vụ: Ông: Chức vụ: 3. Đại diện Công ty Cổ phần (đơn vị thực hiện - nhà thầu) Ông: Chức vụ: Ông: Chức vụ: 4. Đơn vị Tư vấn giám sát (nếu có) Ông: Chức vụ: Ông: Chức vụ: 5. Nội dung bàn giao	Tên gói thầu - Căn cứ Luật Giao thông Đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông Đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014; Luật Xây dựng ngày - Căn cứ Nghị định số Về quản lý chất lượng - Thông tư số 08/2019/TT-BGTVT ngày 28/02/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa theo chất lượng thực hiện; - Căn cứ Quyết định số/QĐ-..... ngày tháng năm 20.... của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam về việc ban hành quản lý chất lượng trong công tác bảo dưỡng thường xuyên công trình đường thủy nội địa; Căn cứ Hợp đồng số/HĐKT-..... ngày/...../20.... Hôm nay, ngày tháng năm 20..... Chúng tôi gồm có: 1. Đại diện Chủ đầu tư (bàn giao hiện trường) Ông: Chức vụ: 2. Công ty..... (đơn vị thực hiện - nhà thầu) Ông: Chức vụ: 3. Đơn vị Tư vấn giám sát (nếu có) Ông: Chức vụ: 4. Nội dung bàn giao Các bên thống nhất tiến hành bàn giao mặt bằng và các hạng mục kết
--	--

Các bên thống nhất tiến hành bàn giao mặt bằng và các hạng mục kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy trên các tuyến đường thủy nội địa thuộc gói thầu để Công ty tiếp quản, bảo vệ, thực hiện công tác từ ngày/...../..... đến ngày/...../..... theo hợp đồng số..... như sau: 5.1. Về tuyến luồng đường thủy nội địa 5.2. Về báo hiệu đường thủy nội địa 5.3. Về kê chỉnh trị 5.4. Về bãi cạn trên tuyến 5.5. Về nhà trạm quản lý đường thủy nội địa (nếu có) 5.6. Về trạm đọc mực nước tự động 5.7. Về trạm bờ AIS (nếu có) (Nội dung danh mục kèm theo) Biên bản được lập thành bản có giá trị pháp lý như nhau, các bên đồng ý nội dung và thống nhất ký tên./. CỤC ĐTND VIỆT NAM (SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI) CHI CỤC ĐTND HOẶC ĐƠN VỊ ĐƯỢC ỦY QUYỀN ĐƠN VỊ TƯ VẤN GIÁM SÁT (nếu có) ĐƠN VỊ QLBDTX ĐTND	cấu hạ tầng giao thông đường thủy trên các tuyến đường thủy nội địa thuộc gói thầu để Công ty tiếp quản, bảo vệ, thực hiện công tác từ ngày/...../..... đến ngày/...../..... theo hợp đồng số..... như sau: 5.1. Về tuyến luồng đường thủy nội địa 5.2. Về báo hiệu đường thủy nội địa 5.3. Về kê chỉnh trị 5.4. Về bãi cạn trên tuyến 5.5. Về trạm đọc mực nước tự động (nếu có) 5.6. Về trạm bờ AIS (nếu có) 5.7. Các nội dung khác (nếu có) Biên bản được lập thành bản có giá trị pháp lý như nhau, các bên đồng ý nội dung và thống nhất ký tên./. ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ ĐƠN VỊ TƯ VẤN GIÁM SÁT (nếu có) ĐƠN VỊ (NHÀ THẦU) BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN CÔNG TRÌNH
Phụ lục: Mẫu số 2 CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	Phụ lục: Mẫu số 2 CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU CÔNG TÁC TRIỂN KHAI PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ, NHÂN SỰ

Tên gói thầu

1. Đối tượng kiểm tra, nghiệm thu :

.....

2. Thành phần tham gia

a. Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải (Chủ đầu tư)

b. Chi cục Đường thủy nội địa hoặc đơn vị được ủy quyền ... (đơn vị được giao quản lý)... (đơn vị nghiệm thu hiện trường)

c. Công ty (đơn vị thực hiện - nhà thầu)....

d. Đơn vị Tư vấn giám sát (nếu có)

3. Thời gian, địa điểm

Thời gian: ngày tháng năm 20.....

Địa điểm:

.....

4. Căn cứ để kiểm tra

~~—Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;~~

~~—Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 20/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015; Thông tư số 04/2019/TT-BXD ngày 16/8/2019 của Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công~~

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU CÔNG TÁC TRIỂN KHAI PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ, NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Tên gói thầu

1. Đối tượng kiểm tra, nghiệm thu :

.....

2. Thành phần tham gia

a. Đại diện Chủ đầu tư (đơn vị nghiệm thu hiện trường)

b. Đơn vị Tư vấn giám sát (nếu có)

c. Công ty (đơn vị thực hiện hoặc nhà thầu)....

3. Thời gian, địa điểm

Thời gian: ngày tháng năm 20.....

Địa điểm:

.....

4. Căn cứ để kiểm tra

- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

- Thông tư số 08/2019/TT-BGTVT ngày 28/02/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa theo chất lượng thực hiện;

- Quyết định số/QĐ-CĐTND ngày tháng năm 20.... của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam về việc ban hành quản lý chất lượng trong công tác bảo dưỡng thường xuyên công trình đường thủy nội địa;

~~trình xây dựng;~~

- Quyết định số/QĐ-CĐTND ngày tháng năm 20... của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam về việc ban hành tạm thời quy định quản lý chất lượng trong công tác bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa, điều tiết không chế đảm bảo giao thông, chống va trôi;

- Hợp đồng số ngày/...../20..... giữa ... và về việc

- Các pháp lý có liên quan và phương tiện, thiết bị, nhân lực triển khai thực hiện gói thầu của Công ty tại hiện trường.

5. Nội dung kiểm tra:

Kiểm tra phương tiện, thiết bị, nhân lực triển khai thực hiện gói thầu của Công ty tại hiện trường và hồ sơ kèm theo.

a. Phương tiện(theo hồ sơ mời thầu)

TT	Tên phương tiện, công suất máy	Số đăng ký	Số, thời hạn đăng kiểm	Tình trạng hoạt động	Vị trí phương tiện
1					1
2					2

b. Trang thiết bị giám sát kèm theo ... (theo hồ sơ mời thầu)

.....

- Hợp đồng số ngày/...../20..... giữa ... và về việc

- Các pháp lý có liên quan và phương tiện, thiết bị, nhân lực chủ chốt triển khai thực hiện gói thầu của Công ty tại hiện trường.

5. Nội dung kiểm tra:

Kiểm tra phương tiện, thiết bị, nhân lực chủ chốt triển khai thực hiện gói thầu của Công ty tại hiện trường và hồ sơ kèm theo.

a. Phương tiện(theo hợp đồng đã ký)

TT	Tên phương tiện, công suất máy	Số đăng ký	Số, thời hạn đăng kiểm	Tình trạng hoạt động	Vị trí phương tiện
1					
2					

b. Trang thiết bị giám sát kèm theo (nếu có)... (theo hợp đồng đã ký)

.....

TT	Tên phương tiện / trang thiết bị được lắp đặt	Ký, nhãn hiệu thiết bị	Tình trạng hoạt động	Ghi chú
1				
2				

c. Thiết bị khác (nếu có) ... (theo hợp đồng đã ký)

STT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng	Ký, nhãn hiệu thiết bị, tình trạng hoạt động	Ghi chú
-----	-----------------------	----------	--	---------

- Các tồn tại, yêu cầu sửa chữa/ hoặc hoàn thiện; Biên bản được lập thành bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ bản. (Thành phần tham gia kiểm tra/ nghiệm thu ký) CỤC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA VIỆT NAM HOẶC SỞ GTVT CHI CỤC ĐTNĐ HOẶC ĐƠN VỊ ĐƯỢC ỦY QUYỀN (NẾU CÓ) ĐƠN VỊ TƯ VẤN (NẾU CÓ) ĐƠN VỊ(THỰC HIỆN).....	
Phụ lục: Mẫu số 3A CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</u> BIÊN BẢN NGHIỆM THU CÔNG VIỆC (NỘI BỘ NHÀ THẦU) Gói thầu: 1. Đối tượng nghiệm thu Công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa (hoặc điều tiết không chế đảm bảo giao thông, chống va trôi) tuyến sông từ km..... đến km do Công ty thực hiện; Thuộc Chi cục Đường thủy nội địa..... (hoặc đơn vị được ủy	Phụ lục: Mẫu số 3 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</u> BIÊN BẢN NGHIỆM THU CÔNG VIỆC (NỘI BỘ NHÀ THẦU) Gói thầu: 1. Đối tượng nghiệm thu Công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công trình đường thủy nội địa tuyến sông từ km..... đến km do Công ty thực hiện; Thuộc phạm vi quản lý.

quyền)... quản lý.

2. Thành phần tham gia nghiệm thu

- Đơn vị bảo dưỡng thường xuyên ĐTNĐ (điều tiết, chống va trôi).....

- Tổ (đội) thực hiện bảo dưỡng thường xuyên ĐTNĐ

3. Thời gian, địa điểm và phương tiện phục vụ nghiệm thu

- Thời gian.....

- Địa điểm.....

- Phương tiện(Ví dụ 5.CT.01)

4. Căn cứ nghiệm thu

~~Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;~~

~~Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 20/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015; Thông tư số 04/2019/TT-BBXĐ ngày 16/8/2019 của Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;~~

- Quyết định số/QĐ-CĐTNĐ ngày tháng năm 20.... của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam về việc ban hành tạm thời quy định quản lý chất lượng trong công tác bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa, điều tiết không chế đảm bảo giao thông, chống va trôi;

- Hợp đồng số ngày/...../20..... giữa ... và về

2. Thành phần tham gia nghiệm thu

- Đơn vị (Nhà thầu) bảo dưỡng thường xuyên công trình ĐTNĐ

- Tổ (đội) thực hiện bảo dưỡng thường xuyên ĐTNĐ

3. Thời gian, địa điểm và phương tiện phục vụ nghiệm thu

- Thời gian.....

- Địa điểm.....

- Phương tiện(Ví dụ 5.CT.01)

4. Căn cứ nghiệm thu

- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

- Thông tư số 08/2019/TT-BGTVT ngày 28/02/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa theo chất lượng thực hiện;

- Quyết định số/QĐ-CĐTNĐ ngày tháng năm 20.... của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam về việc ban hành quản lý chất lượng trong công tác bảo dưỡng thường xuyên công trình đường thủy nội địa;

- Hợp đồng số ngày/...../20..... giữa ... và về việc

- Tài liệu theo khoản 3 Điều 8 của Quyết định này.

5. Đánh giá về chất lượng công việc đã thực hiện

a) Chất lượng công việc nghiệm thu

việc;

- Tài liệu theo khoản 3 Điều 12 quyết định này.

5. Đánh giá về chất lượng công việc đã thực hiện

a) Khối lượng công việc nghiệm thu

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	6.	Kiểm tra tuyến	Cập nhật, ghi chép đầy đủ và lưu trữ hồ sơ theo quy định	Đạt	95% điểm		
						Có báo cáo xử lý, giải quyết kịp thời diễn biến luồng thực tế	Không đạt			
1.	Kiểm tra tuyến					Ghi hình ảnh quá trình kiểm tra tuyến về những thay đổi, xuất hiện mới (vị trí báo hiệu, vật chướng ngại, bãi cạn, tình hình luồng đậu đỗ phương tiện, công việc bảo trì	Đạt			
2.	Đo dò sơ khảo bãi cạn									
3.	Công tác báo hiệu									
4.										
5.							Đạt			

b) Nhận xét, đánh giá

Ghi nhận xét đánh giá về các nội dung kiểm tra.

6. Kết luận nghiệm thu

- Chấp nhận hay không chấp nhận nghiệm thu;

- Các tồn tại, yêu cầu sửa chữa/ hoặc hoàn thiện;

Biên bản được lập thành bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ bản.

7.

Kiểm tra đột xuất sau thiên tai

8.

Trực bảo đảm giao thông

9.

.....

...

.....

<i>(Thành phần tham gia kiểm tra/ nghiệm thu ký)</i> , ngày ... tháng .. ĐƠN VỊ BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN ĐTNĐ TỔ (ĐỘI) BẢO DƯỠNG XUYÊN ĐTNĐ	b) Nhận xét, đánh giá Ghi nhận xét đánh giá tổng hợp về các nội dung kiểm tra. 6. Kết luận nghiệm thu Biên bản được lập thành bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ bản. <i>(Thành phần tham gia kiểm tra/ nghiệm thu ký)</i> ĐƠN VỊ (NHÀ THẦU) BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN CÔNG TRÌNH ĐTNĐ TỔ (ĐỘI) BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN CÔNG TRÌNH ĐTNĐ
Phụ lục: Mẫu số 4A CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</u> BIÊN BẢN NGHIỆM THU GIAI ĐOẠN (THÁNG....) Gói thầu: 1. Đối tượng nghiệm thu Công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa tuyến sông từ km..... đến km do Công ty thực hiện; Thuộc Chi cục ĐTNĐ ... (hoặc đơn vị được ủy quyền)... quản	Phụ lục: Mẫu số 4 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</u> BIÊN BẢN NGHIỆM THU GIAI ĐOẠN (THÁNG....) Gói thầu: 1. Đối tượng nghiệm thu Công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công trình đường thủy nội địa tuyến sông từ km..... đến km do Công ty thực hiện; Thuộc phạm vi quản

lý.

2. Thành phần tham gia nghiệm thu

- Chi cục Đường thủy nội địa (hoặc đơn vị được ủy quyền);

- Đơn vị bảo dưỡng thường xuyên ĐTNĐ.

3. Thời gian, địa điểm và phương tiện phục vụ nghiệm thu

- Thời gian.....

- Địa điểm.....

- Phương tiện(Ví dụ 5.CT.01)

4. Căn cứ nghiệm thu

~~Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;~~

~~Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 20/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015; Thông tư số 04/2019/TT-BBXĐ ngày 16/8/2019 của Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;~~

- Quyết định số/QĐ-CĐTNĐ ngày tháng năm 20.... của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam về việc ban hành tạm thời quy định quản lý chất lượng trong công tác bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa, điều tiết không chế đảm bảo giao thông, chống va trôi;

- Hợp đồng số ngày/...../20..... giữa ... và về

lý.

2. Thành phần tham gia nghiệm thu

a) Đại diện Chủ đầu tư;

b) Tư vấn giám sát (nếu có);

c) Đơn vị (Nhà thầu) bảo dưỡng thường xuyên công trình ĐTNĐ.

3. Thời gian, địa điểm và phương tiện phục vụ nghiệm thu

- Thời gian.....

- Địa điểm.....

- Phương tiện(Ví dụ 5.CT.01)

4. Căn cứ nghiệm thu

- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

- Thông tư số 08/2019/TT-BGTVT ngày 28/02/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa theo chất lượng thực hiện;

- Quyết định số/QĐ-CĐTNĐ ngày tháng năm 20.... của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam về việc ban hành quản lý chất lượng trong công tác bảo dưỡng thường xuyên công trình đường thủy nội địa;

- Hợp đồng số ngày/...../20..... giữa ... và về việc

- Tài liệu theo khoản 3 Điều 8 quyết định này.

5. Đánh giá về chất lượng công việc đã thực hiện

việc;

- Tài liệu theo khoản 3 Điều 12 quyết định này.

5. Đánh giá về chất lượng công việc đã thực hiện

a) Khối lượng công việc nghiệm thu

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
1	Kiểm tra tuyến			
2	Đo dò sơ khảo bãi cạn			
3	Công tác báo hiệu			
4				
5				

b) Nhận xét, đánh giá:

- Đánh giá về chất lượng thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa.

- Đánh giá về việc thực hiện các yêu cầu khác của pháp luật có liên quan;

6. Kết luận nghiệm thu

- Chấp nhận hay không chấp nhận nghiệm thu;

a) Chất lượng công việc nghiệm thu

Hạng mục công việc	Tiêu chí chất lượng	Đánh giá	Điểm chấm	Ghi chú
Kiểm tra tuyến	Cập nhật, ghi chép đầy đủ và lưu trữ hồ sơ theo quy định	Đạt	85% điểm	
	Có báo cáo xử lý, giải quyết kịp thời diễn biến luồng thực tế	Không đạt		
	Ghi hình ảnh quá trình kiểm tra tuyến về những thay đổi, xuất hiện mới (vị trí báo hiệu, vật chướng ngại, bãi cạn, tình hình luồng đậu đỗ phương tiện, công việc bảo trì	Không đạt		
.....		Đạt		
Kiểm tra đột xuất sau thiên tai				
Trực bảo đảm giao thông				
.....				
.....				

45

- Các tồn tại, yêu cầu sửa chữa/ hoặc hoàn thiện; Biên bản được lập thành bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ bản. <i>(Thành phần tham gia kiểm tra/ nghiệm thu ký tên)</i> , ngày ... tháng ... năm ... CHI CỤC ĐTNĐ ... HOẶC ĐƠN VỊ ĐƯỢC ỦY QUYỀN ĐƠN VỊ BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN ĐTNĐ	9	Thao tác báo hiệu	Biểu hiệu phù hợp phương án được duyệt, báo hiệu phù hợp với diễn biến, báo hiệu phù hợp với diễn biến luồng, tình huống đột xuất xảy ra trên luồng	10/200 báo hiệu không đạt	95%	Chưa khắc phục sửa chữa
			Quy cách, kích thước báo hiệu bảo đảm yêu cầu theo loại sông hoặc phương án được duyệt	Đạt		
			Báo hiệu lắp đặt đúng vị trí, yêu cầu kỹ thuật đường thủy nội địa của loại báo hiệu (hướng quan sát báo hiệu theo tính chất tuyến luồng, tình huống luồng; báo hiệu ngay ngắn, không nghiêng đổ)	Đạt		
				Đạt		
						
		b) Nhận xét, đánh giá: - Đánh giá tổng hợp kết quả kiểm tra, nghiệm thu 6. Kết luận nghiệm thu Biên bản được lập thành bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ bản.				

	<i>(Thành phần tham gia kiểm tra/ nghiệm thu ký tên)</i> ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ	
	TƯ VẤN GIÁM SÁT (NẾU CÓ)	ĐƠN VỊ (NHÀ THẦU) BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN CÔNG TRÌNH ĐTNĐ

Phụ lục: Mẫu số 5 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</u> BIÊN BẢN NGHIỆM THU GIAI ĐOẠN (QUÝ) Gói thầu: 1. Đối tượng nghiệm thu - Công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên ĐTNĐ tuyến sông từ km..... đến km do Công ty thực hiện; - Thuộc Chi cục Đường thủy nội địa ... (hoặc đơn vị được ủy quyền) quản lý. 2. Thành phần tham gia nghiệm thu - Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng - Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (Sở Giao thông vận tải được ủy quyền quản lý tuyến đường thủy nội địa quốc gia); - Chi cục Đường thủy nội địa ... (hoặc đơn vị được ủy quyền).....; - Đơn vị tư vấn (nếu có); - Đơn vị bảo dưỡng thường xuyên ĐTNĐ. 3. Thời gian, địa điểm và phương tiện phục vụ nghiệm thu - Thời gian..... - Địa điểm.....	Phụ lục: Mẫu số 5 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</u> BIÊN BẢN NGHIỆM THU GIAI ĐOẠN (QUÝ) Gói thầu: 1. Đối tượng nghiệm thu - Công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công trình ĐTNĐ tuyến sông từ km..... đến km do Công ty thực hiện; - Thuộc phạm vi quản lý. 2. Thành phần tham gia nghiệm thu - Chủ đầu tư; - Lãnh đạo Đại diện Chủ đầu tư (đơn vị nghiệm thu hiện trường); - Tư vấn giám sát (nếu có); - Đơn vị (Nhà thầu) bảo dưỡng thường xuyên công trình ĐTNĐ. 3. Thời gian, địa điểm và phương tiện phục vụ nghiệm thu - Thời gian..... - Địa điểm..... - Phương tiện (nếu có).....(Ví dụ 5.CT.01) 4. Căn cứ nghiệm thu - Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; - Thông tư số 08/2019/TT-BGTVT ngày 28/02/2019 của Bộ trưởng Bộ
--	---

- Phương tiện(Ví dụ 5.CT.01)

4. Căn cứ nghiệm thu

- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

- Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 20/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015; Thông tư số 04/2019/TT-BBXD ngày 16/8/2019 của Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

- Quyết định số/QĐ-CDTND ngày tháng năm 20.... của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam về việc ban hành tạm thời quy định quản lý chất lượng trong công tác bảo dưỡng thường xuyên công trình đường thủy nội địa, điều tiết không chế đảm bảo giao thông, chống va trôi;

- Hợp đồng số ngày/...../20..... giữa ... và về việc

- Các biên bản nghiệm thu giai đoạn tháng

- Tài liệu theo khoản 3 Điều 12 quyết định này.

5. Đánh giá về chất lượng công việc đã thực hiện

a) Khối lượng công việc nghiệm thu

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Khối lượng	Khối lượng thực hiện

Giao thông vận tải quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa theo chất lượng thực hiện;

- Quyết định số/QĐ-CDTND ngày tháng năm 20.... của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam về việc ban hành tạm thời quy định quản lý chất lượng trong công tác bảo dưỡng thường xuyên công trình đường thủy nội địa;

- Hợp đồng số ngày/...../20..... giữa ... và về việc

- Các kết quả, biên bản nghiệm thu giai đoạn tháng

5. Tổng hợp kết quả chất lượng công việc đã thực hiện

a) Chất lượng công việc nghiệm thu

Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Chất lượng nghiệm thu							
		Tháng.....		Tháng		Tháng		Quý ...	
		Điểm chấm		Điểm chấm		Điểm chấm		Kết quả	
Kiểm tra tuyến									
Kiểm tra đột xuất									
Trực đảm bảo giao thông									
.....									
.....									

b) Nhận xét đánh giá

Ghi nhận xét, đánh giá của các thành viên về các nội dung kiểm tra.

		tính	hợp	Tháng	Thán	Thá	KL	Ghi
		đồng		g		ng	hoàn	chú
							thành	
							Quý	
							...	
1.	Kiểm tra tuyển							
2.	Đo dò sơ khảo bãi cạn							
3.	Công tác báo hiệu							
4.								
5.								

b) Nhận xét đánh giá

Ghi nhận xét, đánh giá của các thành viên về các nội dung kiểm tra.

6. Kết luận nghiệm thu

- Chấp nhận hay không chấp nhận nghiệm thu;

- Các tồn tại, yêu cầu sửa chữa/ hoặc hoàn thiện;

Biên bản được lập thành bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ bản.

(Thành phần tham gia kiểm tra/ nghiệm thu ký tên)

....., ngày ... tháng ... năm ...

6. Kết luận nghiệm thu

.....

.....

Biên bản được lập thành bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ bản.

(Thành phần tham gia kiểm tra/ nghiệm thu ký tên)

CHỦ ĐẦU TƯ **ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ**

TƯ VẤN GIÁM SÁT (NẾU CÓ) **ĐƠN VỊ (NHÀ THẦU) QUẢN LÝ, BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN**

**CHI CỤC ĐTNĐ ĐƠN VỊ QUẢN LÝ, BẢO
HOẶC ĐƠN VỊ ĐƯỢC ỦY QUYỀN DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN**

**CỤC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA
VIỆT NAM
HOẶC SỞ GIAO THÔNG VẬN
TẢI**

**TƯ VẤN GIÁM SÁT (NẾU
CÓ)**

Phụ lục: Mẫu số 6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH

Gói thầu:

1. Đối tượng nghiệm thu

- Công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công trình ĐTNĐ tuyến từ km..... đến km do Công ty thực hiện;
- Thuộc Chi cục ĐTNĐ ... (hoặc đơn vị được ủy quyền) quản lý.

2. Thành phần tham gia nghiệm thu

- Chủ đầu tư;
- Lãnh đạo Đại diện Chủ đầu tư (đơn vị nghiệm thu hiện trường);
- Tư vấn giám sát (nếu có);
- Đơn vị bảo dưỡng thường xuyên công trình ĐTNĐ.

3. Thời gian, địa điểm nghiệm thu

- Thời gian:
- Địa điểm:

4. Căn cứ nghiệm thu

- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

- Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 20/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015; Thông tư số 04/2019/TT-BBXD ngày 16/8/2019 của Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

- Quyết định số/QĐ-CĐTNĐ ngày tháng năm 20.... của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam về việc ban hành tạm thời quy định quản lý chất lượng trong công tác bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa, điều tiết không chế đảm bảo giao thông, chống va trôi;

- Hợp đồng số ngày/...../20..... giữa ... và về việc

- Các biên bản nghiệm thu giai đoạn quý

- Tài liệu theo khoản 3 Điều 12 quyết định này.

5. Đánh giá về chất lượng công việc đã thực hiện

a) Khối lượng công việc nghiệm thu

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng hợp đồng	Khối lượng thực hiện					Ghi chú
				Quý I	Quý II	Quý III	Quý	KL hoàn	

.....

.....

Biên bản được lập thành bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ bản.

(Thành phần tham gia kiểm tra/ nghiệm thu ký tên)

CHỦ ĐẦU TƯ

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

TƯ VẤN GIÁM SÁT (NẾU CÓ)

**ĐƠN VỊ (NHÀ THẦU) QUẢN LÝ,
BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN**

							IV	thành	
1	Kiểm tra tuyển								
2	Đo dò sơ khảo bãi cạn								
3	Công tác báo hiệu								
4									
									

b) Nhận xét đánh giá

Ghi nhận xét, đánh giá của các thành viên về các nội dung kiểm tra.

6. Kết luận nghiệm thu

- Chấp nhận hay không chấp nhận nghiệm thu;
- Các tồn tại, yêu cầu sửa chữa/ hoặc hoàn thiện;

Biên bản được lập thành bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ bản.

(Thành phần tham gia kiểm tra/ nghiệm thu ký tên)

....., ngày ... tháng ... năm ...

CHI CỤC ĐTNĐ **ĐƠN VỊ QUẢN LÝ, BẢO**

HOẶC ĐƠN VỊ ĐƯỢC ỦY QUYỀN	DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN	
CỤC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA VIỆT NAM HOẶC SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI	TƯ VẤN GIÁM SÁT (NẾU CÓ)	

--	--

